

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG
HẬU**

-----o0o-----

Số: 03.2019/HHA/CV

(V/v CBTT định kỳ: Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường
niên năm tài chính 2019)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

TP.HCM, ngày 08 tháng 01 năm 2019

**Kính gửi: - Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội;
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
2. Mã chứng khoán: SJ1
3. Địa chỉ liên lạc: 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. HCM
4. Điện thoại: 028. 3974 1135 – 028. 3974 1136 Fax: 028. 3974 1280
5. Email: info@hunghau.vn
6. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Thanh Hương – Tổng Giám Đốc
7. Nội dung công bố thông tin: **Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2019.**
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin trên: www.agri.hunghau.vn

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

- Các báo cáo, tờ trình;

Người thực hiện CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TRẦN THANH HƯƠNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2019

THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2019

Kính gửi: Quý Cổ đông

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu trân trọng thông báo và kính mời quý Cổ đông đến dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2019 như sau:

1. Thời gian: 8 giờ 00, thứ Bảy, ngày 19 tháng 01 năm 2019.

2. Địa điểm: Khách sạn Grand Hotel Saigon - Số 8, Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM.

3. Nội dung: Đại hội thảo luận và thông qua các vấn đề:

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng kế hoạch năm 2019;
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và định hướng kế hoạch năm 2019;
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018;
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019;
- Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018.
- Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
- Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.
- Đề xuất thù lao, thưởng HĐQT, Thư ký, Ban kiểm soát năm 2019.
- Bổ sung ngành nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
- Thôi nhiệm Trưởng ban và Thành viên ban kiểm soát.
- Ứng viên bầu bổ sung Thành viên ban kiểm soát.
- Một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng Cổ đông.

4. Thành phần, điều kiện tham dự:

- Cổ đông có tên theo danh sách do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Tp.HCM chốt vào ngày đăng ký cuối cùng 28/12/2019.
- Khi đến tham dự, quý Cổ đông vui lòng mang theo thư mời, giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền tham dự), Căn cước công dân, giấy CMND hoặc Hộ chiếu.
- Để công tác tổ chức và đón tiếp được chu đáo, quý Cổ đông vui lòng xác nhận tham dự Đại hội qua điện thoại/ gửi thư/ email hoặc fax giấy ủy quyền (nếu ủy quyền cho người khác) tham dự Đại hội trước 16 giờ 00, ngày 14/01/2019 theo địa chỉ ghi phía trên thông báo.



- Thông báo này thay thư mời trong trường hợp Quý cổ đông chưa nhận được thư mời họp.

5. Tài liệu phục vụ Đại hội:

- Toàn bộ tài liệu phục vụ Đại hội, quý Cổ đông có thể đến nhận tại Trụ sở Công ty hoặc tải từ website <http://agri.hunghau.vn/vi/quan-he-co-dong/> từ ngày 09/01/2019.
- Toàn bộ tài liệu phục vụ Đại hội sẽ cung cấp trực tiếp cho quý Cổ đông tại Đại hội.

Rất hân hạnh đón tiếp quý Cổ đông.

Trân trọng!



TRẦN VĂN HẬU





CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Trụ sở: 1004A Âu Cơ, P.Phú Trung, Q.Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3974 1135/ Fax: 028 3974 1280

Website: www.agri.hunghau.vn / Email: Info@hunghau.vn



HungHau

TÀI LIỆU PHỤC VỤ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

NĂM TÀI CHÍNH 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Mã chứng khoán: SJ1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2019



CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



Địa điểm: Khách sạn Grand Hotel Saigon
Địa chỉ: Số 8, Đông Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Thời gian: Bắt đầu lúc 08h00, ngày 19/01/2019 (thứ Bảy)

Thời gian	Nội dung
	A. THỦ TỤC KHAI MỤC ĐẠI HỘI
8h00 – 8h30	Đón tiếp Quý đại biểu, Cổ đông, khách mời; Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự và phát tài liệu họp.
8h30 – 9h00	Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự; Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông; Thông qua và giới thiệu: + Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; + Danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký đoàn và Ban kiểm phiếu.
9h00 – 10h45	B. NỘI DUNG CHÍNH 1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và kế hoạch năm 2019 2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018 và định hướng kế hoạch năm 2019 3. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 4. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018. 5. Trình Đại hội thông qua: - Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018; - Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức - Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 - Thù lao, thưởng HĐQT, Thư ký, Ban kiểm soát năm 2019 - Bổ sung ngành nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty - Thôi nhiệm Trưởng ban và Thành viên ban kiểm soát - Danh sách ứng viên bầu bổ sung Thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020 - Một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ 6. Biểu quyết các vấn đề trình Đại hội. 7. Bầu cử bổ sung Thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020
10h45 – 11h00	C. GIẢI LAO
11h00 – 11h20	D. CÔNG BỐ KẾT QUẢ VÀ HỎI ĐÁP Ban Kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết các vấn đề tại Đại hội; Hỏi và Đáp.
11h20 – 11h30	E. KẾT THÚC ĐẠI HỘI Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội năm tài chính 2018; Tuyên bố bế mạc Đại hội.

**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, BẦU CỬ BỔ SUNG
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
(Nhiệm kỳ 2015 – 2020)**

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại khóa XIII, kỳ họp thứ 8 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2015 – 2020 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

II. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử vào Ban kiểm soát
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

III. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm thành viên BKS

1. Số lượng thành viên BKS : 02 người
2. Nhiệm kỳ : 2015 – 2020
3. Số lượng ứng viên BKS tối đa : Không hạn chế
4. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát (Theo Điều 33 của Điều lệ Công ty)



v. D. pr

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định pháp luật;
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;
- Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không được là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty

IV. Nguyên tắc bầu cử bổ sung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử bổ sung vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

V. Qui định đề cử bổ sung Kiểm soát viên (Theo Khoản 2 Điều 33 Điều lệ Công ty)

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (tính tới thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2019) có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.

Số lượng ứng viên mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử năm (05) ứng viên trở lên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

VI. Hồ sơ tham gia đề cử bổ sung để bầu vào BKS

1. Hồ sơ đề cử vào BKS

(Mẫu biểu được đăng tải trên website của Công ty theo địa chỉ: <http://agri.hunghau.vn>)

- Giấy đề nghị đề cử (ứng cử) bổ sung tham gia BKS (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch ứng viên (theo mẫu);
- Bản chứng thực các giấy tờ trong thời hạn 06 tháng các giấy tờ sau: CMND/ Hộ chiếu/ Thẻ căn cước/ Hộ khẩu thường trú (nếu có) hoặc Giấy Đăng ký doanh nghiệp (đối với tổ chức);
- Bản chứng thực các giấy tờ trong thời hạn 06 tháng các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có);
- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông/ nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo Quy chế này quy định;

Người đề cử bổ sung vào BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Các mẫu trên được đăng tải trên website <http://agri.hunghau.vn> (Mục: Quan Hệ Cổ Đông, từ ngày 09 tháng 01 năm 2019.

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về trước 14h00 ngày 16/01/2019 theo địa chỉ sau:

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Địa chỉ: 1004A Âu Cơ, P.Phú Trung, Q.Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.28) 3974 1135

Fax: (84.28) 3974 1280

Liên hệ: Ms. Cao Trịnh Thị Thủy Vy – email: Vycttt@hunghau.vn

Nếu trong trường hợp các ứng cử viên được các nhóm cổ đông đề cử ngay tại Đại hội, vui lòng gửi hồ sơ đề cử về cho Thư ký Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

VII. Danh sách ứng cử viên

- Dựa vào Hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện qui định để bầu bổ sung vào BKS.
- Danh sách ứng cử viên BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

VIII. Phương thức bầu cử:

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (*Theo Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty*).
- Các thành viên BKS được Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Phiếu bầu sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

IX. Phiếu bầu cử

1. Nội dung của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty.
- Mỗi đại biểu sẽ được phát một (01) Phiếu bầu Ban kiểm soát. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

2. Cách ghi Phiếu bầu cử

Mỗi đại biểu được phát một (01) phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- Danh sách ứng cử viên BKS được xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu. Phiếu bầu BKS có màu xanh.
- Mỗi cổ đông, người được ủy quyền được phát một (01) tờ phiếu bầu BKS với tổng số phiếu bầu BKS bằng số cổ phần sở hữu và/ hoặc số cổ phần được ủy quyền nhân với 2.
- Cổ đông, người được ủy quyền khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại số cổ phần, tổng số phiếu bầu ghi trên phiếu bầu nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu;
- Trên mỗi tờ phiếu bầu, cổ đông được lựa chọn tối đa hai (02) ứng cử viên BKS.
- Cổ đông bầu BKS bằng cách điền số phiếu bầu tương ứng cho từng ứng cử viên BKS sao cho tổng số phiếu bầu BKS trên mỗi tờ phiếu bầu không lớn hơn số cổ phần sở hữu hoặc số cổ phần được ủy quyền nhân với 2.

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

- Phiếu bầu hợp lệ: Phiếu bầu do Ban tổ chức phát hành, được in sẵn, có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu; Trên mỗi phiếu bầu có ghi số cổ phần sở hữu và tổng số phiếu bầu tương ứng của mỗi cổ đông, đại diện cổ đông.
- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
 - + Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
 - + Gạch tên các ứng cử viên;
 - + Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của Công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
 - + Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử;
 - + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
 - + Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
 - + Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

4. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông có thể liên hệ với Ban bầu cử để xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ. Việc đổi lại phiếu bầu mới do nhầm lẫn chỉ được chấp thuận trước khi Ban bầu cử công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử.
- Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ toạ giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

5. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên (Theo Điều 20 Điều lệ Công ty)

- Ứng cử viên trúng cử vào BKS là hai (02) ứng cử viên BKS có số phiếu bầu cao nhất, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.
- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

- Trong trường hợp số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội.
- Trong trường hợp không lựa chọn được số thành viên BKS theo Điều lệ do có nhiều ứng cử viên có số phiếu bầu cao ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng các ứng cử viên có số phiếu ngang nhau để chọn người có số phiếu cao hơn.
- Nếu việc bầu lại vẫn chưa đạt được kết quả, ĐHĐCĐ có thể biểu quyết để khuyết thành viên BKS và bầu bổ sung trong kỳ họp ĐHĐCĐ tiếp theo.

X. Hiệu lực thi hành

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kết thúc.

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử, đề cử bổ sung thành viên để bầu vào Ban kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ (2015 – 2020) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kinh trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2019

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN VĂN HẬU

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2018 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2019

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM TÀI CHÍNH 2018

1. Các chỉ tiêu cơ bản

CHỈ TIÊU	ĐVT	TH năm 2017 và TH năm 2018		Kế hoạch năm 2018 (01/10/2017-30/09/2018)	So sánh	
		Thực hiện (01/10/2016-30/09/2017)	Thực hiện (01/10/2017-30/09/2018)		% tăng trường TH 2018/ TH 2017	TH 2018/ KH 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	909.128	1.032.841	1.023.000	+14%	100.96%
2. Giá vốn hàng bán	"	828.267	939.471		+13%	
3. Lợi nhuận gộp bán hàng & cung cấp dịch vụ	"	80.860	93.370		+15%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	"	13.640	12.336		(10%)	
5. Chi phí tài chính	"	35.645	37.081		+4%	
6. Chi phí bán hàng	"	19.435	16.745		(14%)	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	"	14.487	19.832		+37%	
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	"	21.708	29.683		+37%	
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	"	25.585	30.171	35.000	+18%	86%

- Tổng doanh thu trong năm 2018 đạt 1.032.841.793.720 đồng tăng 14% so với cùng kỳ năm 2017.
- Tổng lợi nhuận trước thuế trong năm 2018 đạt 30.171.220.570 đồng, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2017.

2. Kết quả các mặt công tác

2.1. Công tác sản xuất

Công ty liên tục duy trì và nâng cao hiệu quả của Hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HALA, HACCP... nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường về chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng.

Chất lượng sản phẩm là tiêu chí hàng đầu mà Công ty đặc biệt quan tâm. Vì thế, các sản phẩm đều được kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng trước khi xuất xưởng; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát và nhắc nhở người lao động thực hiện đúng những quy định trong sản xuất. Tất cả công nhân viên trực tiếp sản xuất đều được kiểm tra, khám sức khỏe định kỳ hàng năm theo quy định ngành.

Tình trạng thiếu hụt lao động của ngành hiện nay rất phổ biến, để khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động, Công ty đã tăng cường cải tiến quy trình sản xuất, đầu tư vào máy móc thiết bị duy trì và ổn định sản lượng sản xuất hàng giá trị gia tăng.

Cải tạo mở rộng khu sản xuất hàng tấm bột và lắp đặt bổ sung thêm tủ đông nhằm tăng năng lực sản xuất;

Đầu tư khuôn bóp tôm mới cải thiện được vấn đề tôm gãy góp phần làm giảm định mức tiêu hao nguyên liệu.

Đầu tư máy quay sợi khoai tây, máy chế tôm vào dây chuyền sản xuất thay thế nhân công lao động, rút ngắn thời gia lao động.

Cải tiến, những công đoạn sản xuất trước đây làm bằng tay nay chuyển sang dùng máy góp phần rút ngắn thời gian sản xuất và tiết kiệm chi phí.

Sắp xếp, bố trí máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hợp lý và ca làm việc phù hợp để tăng năng suất lao động, khai thác tối đa công suất của máy móc thiết bị.

Linh hoạt trong việc xây dựng và áp dụng đơn giá sản xuất phù hợp nhằm tạo động lực làm việc, phát huy năng lực làm việc của công nhân.

Chuyển giao kỹ thuật sản xuất hàng hàng GTGT tại nhà máy Ngư Nghiệp Hùng Hậu (HAF), đào tạo, luân chuyển cán bộ quản lý, công nhân lành nghề nhằm đa dạng hóa năng lực sản xuất và sản phẩm của nhà máy.

Triển khai quản lý sản xuất ở các Nhà máy Ngư Nghiệp Hùng Hậu và Nhà máy Rau Quả Hùng Hậu, phối hợp luân chuyển nguyên liệu nhằm đáp ứng tối đa sản lượng cho các đơn hàng.

Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện các quy trình sản xuất để công nhân mới hiểu biết, nắm bắt, nâng cao ý thức, kỷ luật về vệ sinh công nghiệp trong dây chuyền chế biến.

Hoạt động sản xuất tại phân xưởng ổn định, máy móc thiết bị được bảo trì bảo dưỡng tốt nên không có tình trạng hư hỏng khi đang sản xuất.

Lập báo cáo, hồ sơ, biểu mẫu, phiếu kiểm nghiệm theo yêu cầu của khách hàng và theo nhu cầu của thị trường (Xuất khẩu và Nội địa).

2.2. Công tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh cả phê doanh thu đạt 2.644.313 USD, tại các thị trường như: Bỉ, Albany, Tây Ban Nha, Italia, Mỹ, Đức, Đài Loan,...

Đội ngũ Sales được phân bổ chi tiêu, chăm sóc khách hàng chu đáo, luôn đáp ứng nhanh nhu cầu khách hàng.

Áp dụng phần mềm CRM quản lý khách hàng, cập nhật thông tin các giao dịch thường xuyên với khách hàng.

Tiếp tục xây dựng, duy trì hệ thống quảng bá thương hiệu và tiếp cận thị trường thế giới thông qua các website.

Xây dựng lại các chính sách bán hàng; định biên nhân sự, chế độ lương thưởng cho sales nhằm kích thích bán hàng.

Thường xuyên khảo sát, tìm hiểu thị trường, tích cực khai thác thêm khách hàng và thị trường mới. Trong năm 2018 đã phát triển bán hàng được 10 khách hàng mới và 2 thị trường mới Đan Mạch và Úc.

Kết hợp đơn vị Công ty Phân phối Hùng Hậu mở rộng thị trường nội địa, phát triển mạng lưới rộng trên toàn quốc, trong đó có chuỗi siêu thị và hệ thống đại lý vùng miền.

Phát triển, đẩy mạnh thêm hàng nguyên liệu nhập khẩu, đối với tôm, nhằm tìm nguồn cung cấp với giá cạnh tranh tốt hơn trong nước.

2.3. Công tác mua hàng

- Tổng lượng hàng hóa mua vào phục vụ cho sản xuất kinh doanh đáp ứng khoảng 80% nhu cầu của sản xuất, 20% còn lại chưa đạt như kỳ vọng do một số nguyên liệu chính như bạch tuộc, cá lưỡi trâu... còn lệ thuộc vào nguồn đánh bắt, mùa vụ, không dự báo được số lượng theo tháng/quý, gây bị động trong việc đáp ứng nhu cầu đúng hạn, ảnh hưởng giá thành và tính cạnh tranh trong giá bán. Thêm vào đó, các thương lái Trung Quốc thu mua tại chỗ bằng tiền mặt với số lượng lớn, làm ảnh hưởng trực tiếp đến giá mua và phương thức thanh toán công nợ của Công ty.
- Giá các mặt hàng nguyên liệu chính như tôm, bạch tuộc có xu hướng tăng do khan hiếm và thất mùa, giá thị trường hiện tại tăng cao hơn so với thời điểm đầu năm 2017 từ 10 – 12%. Công ty đã duy trì và đẩy mạnh việc nhập khẩu tôm nguyên liệu từ nước ngoài, tạo được nguồn cung với giá cạnh tranh hơn và giải quyết được phần nào tình hình khó khăn chung do sự thiếu hụt nguyên liệu từ thị trường trong nước.

2.4. Công tác Tài chính kế toán:

- Thực hiện quản lý vốn chặt chẽ, lập kế hoạch dòng tiền, chủ động sắp xếp các nguồn tài chính đáp ứng đầy đủ kịp thời việc thu chi đảm bảo cho các hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh.

- Kiểm soát tốt công nợ phải thu của khách hàng, không phát sinh nợ quá hạn, nợ khó đòi. Đảm bảo tối đa việc chi lương và các chế độ phụ cấp cho CB.CNV đúng hạn.
- Quản lý tốt hàng tồn kho, kiểm soát tốt chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn, hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Hoàn thành báo cáo tài chính quý đúng hạn, thực hiện và tuân thủ các quy định, chế độ, chính sách của Nhà nước.
- Hoàn thành tốt việc thanh tra thuế đến năm 2016.

2.5. Công tác nhân sự, lao động, tiền lương và chính sách chế độ:

Tìm kiếm thêm nhà cung ứng lao động, cung cấp được lao động công khoán cho nhà máy.

Theo Nghị định số 141/2017/NĐ-CP ngày 07/12/2017 thì mức lương tối thiểu vùng I được Nhà nước điều chỉnh tăng từ 3.750.000 đ lên 3.980.000 đ (tăng 6.1%) có hiệu lực từ 01/01/2018, làm tăng chi phí đóng BHXH, BHYT, BHTN.

Trước tình hình kinh tế khó khăn, lực lượng lao động chưa đáp ứng đủ, Công ty cũng đã cố gắng thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, thể hiện sự quan tâm cao nhất đến lợi ích của người lao động để CB-CNV yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty.

Những chính sách chế độ công ty đã thực hiện như sau:

- Trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trợ cấp ốm đau, thai sản đầy đủ đúng quy định.
- Đảm bảo giải quyết đầy đủ tiền lương và các khoản thu nhập khác (thường ngày lễ, tết...) theo quy định trong Thỏa ước LĐTT.
- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.
- Tổ chức đi nghỉ mát tại Phan Thiết cho cán bộ, công nhân Nhà máy và các chương trình giao lưu văn nghệ mừng các dịp lễ lớn.
- Tổ chức bữa ăn cho CB-CNV luôn đảm bảo "Đủ lượng, đủ chất và an toàn vệ sinh thực phẩm".

2.6. Nhiệm vụ của Công ty đại chúng đã niêm yết

Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ công bố thông tin theo quy định đối với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như: Công bố thông tin định kỳ Báo cáo tài chính 2017 đã kiểm toán, Báo cáo tình hình quản trị 2017, Báo cáo thường niên 2017, Báo cáo tài chính Quý 1, quý 2, quý 3, quý 4/2018 v.v...

II. KẾ HOẠCH NĂM TÀI CHÍNH 2019

1. Chỉ tiêu Kế hoạch, Kinh doanh:

Chỉ tiêu	ĐVT	NĂM 2019
----------	-----	----------

Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.035.000
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	35.000
Cổ tức dự kiến	%/ năm	12

- Đẩy mạnh phát triển thêm các sản phẩm thuộc thương hiệu HappyFood ra thị trường tiêu thụ nội địa, tăng cường quảng bá sản phẩm trên các phương tiện truyền thông đại chúng, mục tiêu 03 tháng cuối năm doanh thu nội địa tăng 20%.
- Khảo sát và tiếp cận nhanh chóng 04 thị trường mục tiêu tiếp theo, trong đó ưu tiên thị trường Singapore thông qua khách hàng The Seafood, tăng cường tham gia hội chợ liên quan đến các mặt hàng thủy sản đông lạnh, hàng GTGT tại Singapore và HongKong vào thời gian tới.
- Tập trung khai thác thị trường hiện có, đặc biệt chú trọng thị trường ngách có chất lượng cao, giá mua cao.
- Tìm kiếm thêm khách hàng và quảng bá thương hiệu HungHau thông qua hội chợ Vietfish.
- Tiếp tục đưa thương hiệu HungHau ra nước ngoài bằng cách thể hiện logo HungHau trên các bao bì xuất khẩu.
- Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại, kết hợp với các khách hàng nước ngoài sẵn có thiết lập mối quan hệ mua bán song phương, nhập khẩu các sản phẩm hoàn toàn từ thiên nhiên, an toàn cho sức khỏe, đạt chất lượng cao và phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng Việt Nam sẽ là hướng phát triển có tiềm năng cho Công ty trong thời gian tới.
- Chủ động tích trữ một số mặt hàng có giá cả tốt dựa vào nhu cầu dự báo của khách hàng.
- Tăng cường tìm kiếm và nhập khẩu các nguyên liệu chính như mực, bạch tuộc... phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng của thị trường EU, thị trường Nhật, giảm thiểu tối đa áp lực về giá cả do tình hình nguyên liệu trong nước.

2. Công tác sản xuất

- Nhanh chóng hoàn thiện và đưa vào hoạt động ổn định bằng chuyển tải đồng tại Nhà máy số 3.
- Nghiên cứu cải tiến các sản phẩm đạt chất lượng cao và giá cả hợp lý, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.
- Kiểm soát tốt từ nguồn nguyên liệu cung ứng đầu vào đến sản phẩm đầu ra đạt tiêu chuẩn kháng sinh, vi sinh.

3. Hành chính Nhân sự:

- Tăng cường tuyển dụng đội ngũ sales chuyên nghiệp có kinh nghiệm trong ngành.

738
 TỶ
 N
 HIỆP
 U
 CH

- Tăng cường hoạt động tuyển dụng nhân sự như: liên kết với các công ty giới thiệu việc làm tại các vùng/địa phương lân cận hỗ trợ tuyển dụng lao động, kết hợp quảng bá thông tin tuyển dụng và chính sách đãi ngộ của công ty đến người lao động địa phương.
- Tiếp tục cập nhật, điều chỉnh mức đóng bảo hiểm theo quy định Pháp luật hiện hành.
- Hoàn thiện và xây dựng thêm những chính sách liên quan đến lương sản phẩm cho khối CNSX để thu hút và nâng cao năng suất làm việc của người lao động.
- Liên kết với các tổ chức giáo dục trực thuộc HungHau Holdings tổ chức các khóa đào tạo vừa học vừa làm, tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội nâng cao kiến thức, thay đổi môi trường làm việc, có thu nhập tốt hơn.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách đãi ngộ như hỗ trợ tiền thuê nhà trọ, hỗ trợ tiền giữ con nhỏ dưới 07 tuổi cho NLĐ yên tâm sản xuất & gắn bó lâu dài. Các phúc lợi, đãi ngộ khác, nhằm thu hút và giữ chân người lao động.
- Hoàn thiện đội ngũ nhân sự và hệ thống thang bảng lương trong Khối Nông nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



Trần Thanh Hương



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM TÀI CHÍNH 2017-2018 VÀ ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH NĂM TÀI CHÍNH 2018-2019

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu trân trọng trình bày Báo cáo hoạt động của HĐQT năm tài chính 2017-2018 và định hướng hoạt động năm tài chính 2018-2019 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM TÀI CHÍNH 2017-2018:

Kinh tế thế giới duy trì đà tăng trưởng tốt trong nửa đầu năm 2018, sau đó đã xuất hiện những diễn biến mới khiến tình hình trở nên phức tạp hơn, mối quan hệ căng thẳng giữa các nước lớn, đặc biệt là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung đang có dấu hiệu leo thang, ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Nhìn chung, mức độ tăng trưởng vẫn còn mạnh mẽ ở các nền kinh tế phát triển, nhưng đã chậm lại ở nhiều nước.

Các tổ chức quốc tế lớn như IMF, WB và UN cùng chung nhận định kinh tế toàn cầu bắt đầu tăng trưởng chậm lại, trong đó IMF dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới khả quan nhất, tăng 3,9%.

Tình hình giá cả hàng hóa thế giới diễn biến phức tạp do chiến tranh thương mại và bất ổn chính trị ở Trung Đông, nhìn chung đang có xu hướng gia tăng. Thương mại toàn cầu có dấu hiệu suy giảm khi cầu xuất khẩu các nước phát triển giảm sút (ngoại trừ Mỹ) trong khi xuất khẩu của các nền kinh tế xuất khẩu tại châu Á cũng chững lại do tác động của các rào cản thương mại ngày càng gia tăng. Căng thẳng và xung đột thương mại giữa các nền kinh tế lớn, đặc biệt giữa Mỹ và Trung Quốc, tiếp tục leo thang. Đầu tháng 9/2018, Mỹ cũng bắt đầu đàm phán thương mại với Nhật Bản và phát tín hiệu cảnh báo áp thuế bổ sung với hàng hóa nhập khẩu từ nước này như đã làm với Trung Quốc, EU, Canada...

Tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam trong 09 tháng đầu năm 2018: Tổng cục Thống kê công bố báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội 09 tháng đầu năm. Theo đó, kinh tế tiếp tục đà tăng trưởng cao. Tính chung 09 tháng đầu năm, GDP ước tính tăng 6,98% so với cùng kỳ năm trước. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,65%, đóng góp 8,8% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,89%, đóng góp 48,7%; khu vực dịch vụ tăng 6,89%, đóng góp 42,5%.

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty:

a. Chi tiêu sản xuất kinh doanh, tài chính:



- Tổng doanh thu đạt 1.032,84 tỷ đồng, bằng 101% kế hoạch năm 2018 và bằng 113% so với năm 2017.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 30,17 tỷ đồng, bằng 86% kế hoạch năm 2018 và bằng 118% so với năm 2017.
- Tổng tài sản tại ngày 30/9/2018 đạt 952,88 tỷ đồng, tăng 8% so với cùng thời điểm của năm 2018.
- Tài sản ngắn hạn tại ngày 30/9/2018 đạt 580,82 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng thời điểm của năm 2017.
- Tài sản dài hạn tại ngày 30/9/2018 đạt 372,06 tỷ đồng, giảm 5% so với cùng thời điểm của năm 2017.
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/9/2018 đạt 275,2 tỷ đồng, tăng 3,6% so với cùng thời điểm của năm 2017.

b. Tăng vốn điều lệ:

- Hoàn thành việc tăng vốn cổ phần thông qua phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2017 nên vốn điều lệ được tăng từ 187.805.970.000 đồng thành 199.070.530.000 đồng. Vốn điều lệ mới đã góp phần nâng cao hình ảnh và quy mô doanh nghiệp cũng như tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty.
- Công ty niêm yết và giao dịch số lượng cổ phiếu tăng thêm cùng với việc sửa đổi điều lệ và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được thực hiện kịp thời.

c. Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực:

- Thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ về bảo hiểm, tiền lương, tiền thưởng và các phúc lợi theo quy định của pháp luật Nhà nước và Công ty.

d. Sản xuất:

- Công ty đặc biệt chú trọng đến chất lượng sản phẩm, có quy trình kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng trước khi được đưa ra thị trường, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát nhắc nhở người lao động thực hiện đúng những quy định trong sản xuất.
- Công ty tiếp tục duy trì và không ngừng nâng cao hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HACCP, HALAL để cung cấp sản phẩm đạt chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu thị trường.

2. Đánh giá tình hình hoạt động và thù lao HĐQT năm tài chính 2017-2018:

Hội đồng Quản trị Công ty đã triển khai các hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật hiện hành. Trong năm tài chính 2017-2018, HĐQT đã tổ chức 09 cuộc họp HĐQT và xin ý kiến bằng văn bản.

Các cuộc họp được chuẩn bị chu đáo, các nội dung họp sát với tình hình kinh tế xã hội và tập trung vào các vấn đề như: định hướng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư phát triển, công tác quản trị.... Các nghị quyết hoặc các quyết định của HĐQT đều được các thành viên thống nhất 100%, đảm bảo phù hợp với chủ trương chính sách của Nhà nước. Nhờ đó, duy trì ổn định mọi mặt hoạt động của Công ty, cụ thể những nội dung đã thông qua như sau:

- Xem xét phê duyệt kết quả thực hiện SXKD định kỳ hàng quý và phương hướng quý sau để có chỉ đạo cụ thể đến Ban Tổng Giám đốc.
- Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2018 vào tháng 01/2018; hoàn thành chi trả cổ tức năm 2017 theo Nghị quyết ĐHĐCD.
- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết ĐHĐCD thường niên năm tài chính 2018.
- Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hoàn thiện chính sách nhân sự, chuyên nghiệp hóa công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân sự kế thừa, đặc biệt thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý các cấp để chuẩn bị cho nhu cầu mở rộng và tăng quy mô hoạt động trong thời gian tới.
- Chỉ đạo công tác công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời về kết quả hoạt động SXKD, báo cáo tài chính định kỳ theo đúng quy định.
- Giám sát công tác điều hành sản xuất kinh doanh, hoạt động quản lý của Ban Tổng Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Trong năm tài chính 2018, HĐQT đã tập trung giám sát, chỉ đạo và thực hiện tốt các nhiệm vụ theo tinh thần nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, duy trì ổn định các hoạt động của Công ty.

Thù lao của các thành viên HĐQT, BKS trong năm 2018 là 3% lợi nhuận sau thuế. Thuế TNCN phát sinh cá nhân tự đóng (*căn cứ Nghị quyết HĐQT ngày 05/01/2019*).

3. Đánh giá kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:

HĐQT đánh giá cao hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc có sự thống nhất, phân công, phân nhiệm rõ ràng cho từng vị trí, tiếp tục giữ vững và phát huy đoàn kết nội bộ trong toàn Công ty; luôn tuân thủ pháp luật hiện hành, thực hiện nghiêm túc các nghị quyết/ quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị nên đã mang lại lợi ích hợp pháp tối đa cho công ty và Cổ đông.

Ban tổng Giám đốc chủ động trong điều hành, linh hoạt, sáng tạo và chỉ đạo quyết liệt trong tất cả các lĩnh vực, đồng thời thường xuyên báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT, với những công việc:

38
IV
HAI
NGH
.GH
-T.P

- Công tác quản trị đang từng bước đi vào nề nếp và với cơ chế phân cấp – phân quyền – phân định trách nhiệm cụ thể của từng vị trí lãnh đạo.
- Thực hiện đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về công bố thông tin chính xác, minh bạch, giúp cho các nhà đầu tư hiểu rõ về Công ty.
- Đảm bảo việc làm ổn định cho 100% người lao động trong Công ty với mức thu nhập bình quân tăng hơn 6% so với năm 2017.
- Bảo trì, bảo dưỡng và đại tu hệ thống nhà xưởng, máy móc thiết bị đúng quy định, nhanh chóng và có tiết kiệm, đáp ứng tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên:

STT	NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2018	TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
1	Bổ sung ngành nghề kinh doanh: - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. - Bán buôn thực phẩm.	Đã hoàn thành 100%.
2	Điều chỉnh tiến độ triển khai dự án “Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu – Nhà máy số 2”.	Hoàn thành 50%
3	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ vốn cổ phần.	Đã hoàn thành 100%.
4	Ban hành Quy chế quản trị nội bộ.	Đã hoàn thành 100% và công bố thông tin.
5	Chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2018.	Công ty kiểm toán là 01 trong 04 Công ty là Công ty TNHH Tư vấn TCKT và Kiểm toán Việt Nam (AASCN).
6	Thủ lao HĐQT, Ban KS: 5% LNST.	Thực hiện thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát 3% LNST.

II. Phương hướng kế hoạch năm tài chính 2018-2019:

1. Các chỉ tiêu cơ bản:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm tài chính 2018 – 2019
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.035.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	35.000
3	Cổ tức dự kiến	%/ năm	12

2. Các giải pháp thực hiện:

- Triển khai các mục tiêu trọng tâm:

- Công tác quản lý sản xuất: Tập trung đẩy mạnh sản lượng sản xuất hàng GTGT tại nhà máy HAF; Xây dựng bộ định mức kiểm soát nguyên liệu, sản xuất, chế biến. Thực hiện phương án đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ tại nhà máy HA1 đảm bảo tăng 30% năng suất so với hiện tại.
 - Hoàn thành việc tìm thêm nhà cung cấp trong nước và quốc tế đáp ứng nhu cầu nguyên liệu đầu vào đảm bảo chất lượng và tiến độ.
 - Hoàn thiện Catalogue và các ấn phẩm phục vụ bán hàng.
 - Triển khai các chương trình quản lý bán hàng, chăm sóc khách hàng:
 - Áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin chuẩn hóa dữ liệu khách hàng, lập kế hoạch chăm sóc khách hàng.
 - Gửi thông tin thường xuyên đến khách hàng định kỳ hàng tháng.
 - Triển khai chương trình phát triển khách hàng mới, khôi phục khách hàng cũ cho từng nhân viên sale đảm bảo có doanh số phù hợp.
 - Phát triển thương hiệu, thị phần: Tham gia các Hội chợ quốc tế, các buổi giao thương với các khách hàng, đối tác thông qua cơ quan Trung tâm xúc tiến thương mại.
- Tiếp tục triển khai chiến lược tăng năng lực tài chính và mở rộng quy mô hoạt động. Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tìm kiếm, lựa chọn đối tác chiến lược về tài chính để hỗ trợ, bổ sung cho nguồn vốn lưu động và phục vụ công tác đầu tư – xây dựng cơ bản.
 - Thực hiện triệt để việc liên kết chuỗi giá trị hàng hóa nông sản – thủy sản để kiểm soát chất lượng nguồn gốc sản phẩm và nâng cao giá trị sản phẩm đầu ra.
 - Quản lý, kiểm soát tốt công nợ, hàng tồn kho, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn của Công ty.
 - Chú trọng công tác nghiên cứu và phát triển, tạo ra những sản phẩm riêng biệt, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.
 - Đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ kịp thời theo xu hướng quốc tế.
 - Xây dựng và áp dụng các chương trình tiết giảm chi phí sản xuất, bán hàng và quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Tập trung nâng cao chất lượng nguồn lực và hoàn thiện chính sách nhân sự, chuyên nghiệp hóa công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân sự kế thừa.

III. PHẦN KẾT LUẬN

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được trong những năm qua, cùng với định hướng phát triển qui mô hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tới và đặc biệt là sự đồng lòng và quyết tâm của Ban Lãnh đạo & tập thể CBNV năng động – nhiệt huyết, Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu cũng đã thực hiện duy trì ổn định kế hoạch mục tiêu đặt ra và đảm bảo đầy đủ lợi ích cho cổ đông.

Hội đồng quản trị tin tưởng rằng Ban Tổng giám đốc và tập thể CBNV của Công ty sẽ tiếp tục nỗ lực vượt trội, tiếp tục hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kế hoạch năm tài chính 2017-2018, góp phần tham gia vào triển vọng phát triển của nền kinh tế Việt nam và vươn tầm khu vực.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu năm tài chính 2017-2018 và phương hướng hoạt động kế hoạch năm tài chính 2018-2019. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp chân thành của quý vị cổ đông để giúp cho hoạt động của HĐQT ngày càng tốt hơn.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng CD;
- HĐQT Công ty;
- Ban Kiểm soát;
- Ban TGD Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRẦN VĂN HẬU





**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

-----o0o-----

Số: 67.2018/HHA/CV-CBTT
(V/v CBTT định kỳ: BCTC Năm tài chính
2018 – đã được kiểm toán)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----o0o-----

TP.HCM, ngày 26 tháng 12 năm 2018

**Kính gửi: - Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội;
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.**

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu.**
 2. Mã chứng khoán: SJ1.
 3. Địa chỉ liên lạc: 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. HCM.
 4. Điện thoại: 028. 3974 1135 – 028. 3974 1136 Fax: 028. 3974 1280
 5. Email: info@hunghau.vn.
 6. Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Trần Thanh Hương – Tổng Giám Đốc.**
 7. Nội dung công bố thông tin:
 - 7.1. Báo cáo tài chính Năm tài chính 2018 (01/10/2017 – 30/09/2018) của Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu được lập ngày 10/12/2018 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC đã được Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt kiểm toán ngày 17/12/2018.
 - 7.2. Nội dung giải trình:
 - 7.2.1. Giải trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Năm tài chính 2018 tăng so với cùng kỳ Năm tài chính 2017:
 - Lợi nhuận sau thuế của Năm tài chính 2018 tăng 16% so với cùng kỳ Năm tài chính 2017 là do:
 - + Doanh thu tăng.
 - + Cơ cấu hàng bán khác nhau.
 - 7.2.2. Giải trình BCTC Quý 4/2018 so với BCTC Năm tài chính 2018.
 8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin trên: **www.agri.hunghau.vn.**
- Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Người thực hiện CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TRẦN THANH HƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Số: 72.2018/CV-HHH

---oOo---

V/v: giải trình kết quả hoạt động

SXKD năm tài chính 2018 tăng

so với cùng kỳ năm 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

---oOo---

TP.HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2018

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty xin giải trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm tài chính 2018 tăng so với cùng kỳ năm 2017 như sau:
Bảng tổng hợp các chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017 (từ 01/10/2016 đến 30/09/2017)	Năm 2018 (từ 01/10/2017 đến 30/09/2018)	% tăng, giảm
I/ Sản lượng SX-TT				
1. Sản lượng sản xuất	Tấn	5,790	3,059	-47%
2. Sản lượng tiêu thụ	Tấn	6,048	3,782	-37%
II/ Doanh thu - Lợi nhuận				
1. Doanh thu thuần	Triệu đồng	909,128	1,023,916	13%
2. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	20,992	24,303	16%
III/ Các chỉ tiêu tài chính cơ bản				
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	Triệu đồng	235,542	349,452	48%
2. Hàng tồn kho	Triệu đồng	206,004	187,326	-9%
3. Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	461,328	548,374	19%

* Lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2018 tăng 16% so với cùng kỳ năm 2017 là do:

Doanh thu tăng

Cơ cấu hàng bán khác nhau

Trên đây là phân giải trình biến động về KQKD giữa hai kỳ báo cáo của Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

Như trên

Lưu TV

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



Trần Thanh Hương

TP.HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2018

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty xin giải trình Báo cáo tài chính quý 4/2018 so với Báo cáo kiểm toán năm 2018 như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Báo cáo lũy kế quý 04/2018	Báo cáo kiểm toán năm 2018	Chênh lệch	Lý do
TÀI SẢN				
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	5,000,000,000	-	5,000,000,000	Điều chỉnh phần vốn góp vào Công ty TNHH Rau Quả Hùng Hậu từ đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh sang đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do tỷ lệ góp vốn giảm xuống.
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10,815,500,000	15,815,500,000	(5,000,000,000)	Điều chỉnh phần vốn góp vào Công ty TNHH Rau Quả Hùng Hậu từ đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh sang đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do tỷ lệ góp vốn giảm xuống.
Tổng cộng tài sản	15,815,500,000	15,815,500,000	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



TRẦN THANH HƯƠNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018
đã được kiểm toán

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

Địa chỉ ĐKKD: 29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881
Địa chỉ giao dịch: 26 Nguyễn Huy Tự, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881/ 3820 6881 - Fax: 028. 3820 6881

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 36

03052
C
TRÁCH N
DỊCH T
CÁI CHẾ
VÀ K
NA
VI - T

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018.

Khái quát

Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 07 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần 20 ngày 04 tháng 09 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
-

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Hậu	Chủ tịch	
Ông Từ Thanh Phụng	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	
Ông Trần Thanh Hương	Thành viên	Từ ngày 30/01/2018
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	
Ông Võ Minh Khang	Thành viên	
Bà Đinh Thị Bích Hà	Thành viên	
Ông Ngô Đức Dũng	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Từ Thanh Phụng	Tổng Giám đốc	Đến ngày 02/10/2017
Ông Trần Thanh Hương	Tổng Giám đốc	Từ ngày 02/10/2017
Bà Dư Thiện Minh Trang	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 09/05/2018
Ông Tống Văn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 09/05/2018
Bà Huỳnh Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 09/05/2018
Ông Ngô Văn Thế	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 08/03/2018
Ông Đinh Nhân Thiên Phúc	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 08/03/2018
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 29/06/2018

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Bà Huỳnh Thanh
Ông Huỳnh Minh Tâm
Bà Đinh Thị Bảo Yến

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Đến ngày 28/03/2018

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính


Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2018

Thay mặt Hội đồng Quản trị


Trần Văn Hậu

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc


Trần Thanh Hương



Số : 07-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, được lập ngày 10/12/2018, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 30 tháng 09 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Kiểm toán viên



Phó Giám đốc
Nguyễn Ngọc Tuấn

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2837-2014-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2018

Kiểm toán viên
Nguyễn Xuân Giang

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2784-2014-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2018	01/10/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		580.254.326.942	479.497.490.102
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.626.647.685	8.659.596.950
1. Tiền	111	V.1	5.626.647.685	8.659.596.950
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.000.000.000	14.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	20.000.000.000	14.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		349.452.368.569	235.542.093.431
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	340.312.529.107	230.143.969.191
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.383.888.235	3.885.496.543
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.755.951.227	1.512.627.697
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	187.325.573.149	206.003.630.115
1. Hàng tồn kho	141		187.325.573.149	206.003.630.115
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.849.737.539	15.292.169.606
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.494.908.533	1.692.083.429
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.354.829.006	13.600.086.177
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		390.707.816.027	404.327.750.350
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.190.864.607	8.071.178.746
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	7.190.864.607	8.071.178.746
II. Tài sản cố định	220		302.718.347.336	318.941.928.652
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	158.722.480.785	168.862.791.641
- Nguyên giá	222		222.195.773.090	219.439.125.073
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.473.292.305)	(50.576.333.432)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	35.462.465.332	40.290.129.736
- Nguyên giá	225		47.241.844.411	47.241.844.411
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(11.779.379.079)	(6.951.714.675)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	108.533.401.219	109.789.007.275
- Nguyên giá	228		113.027.012.250	113.027.012.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.493.611.031)	(3.238.004.975)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2018	01/10/2017
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.311.043.278	5.623.744.511
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	14.311.043.278	5.623.744.511
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		35.360.500.000	37.370.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	19.545.000.000	13.840.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	-	13.315.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	15.815.500.000	10.215.500.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		31.127.060.806	34.320.398.441
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	31.127.060.806	34.320.398.441
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		970.962.142.969	883.825.240.452

03052
TRÁCH
DỊCH
TÀI CHÍNH
VÀ
N
WJ - T

047388
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU
PHỐ CHÍ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2018	01/10/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		695.785.361.466	618.138.802.020
I. Nợ ngắn hạn	310		548.374.398.576	461.328.024.433
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	146.830.922.210	110.730.874.107
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.741.397.098	7.850.131.001
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	11.813.992.996	4.858.421.803
4. Phải trả người lao động	314		6.713.135.249	4.929.586.501
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	15.191.728.499
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	5.808.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	5.405.197.436	15.098.903.887
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	368.993.185.950	302.521.140.296
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		68.567.637	147.238.339
II. Nợ dài hạn	330		147.410.962.890	156.810.777.587
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	35.219.775.000	21.900.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	112.191.187.890	134.910.777.587
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		275.176.781.503	265.686.438.432
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	275.176.781.503	265.686.438.432
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.070.530.000	187.805.970.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		199.070.530.000	187.805.970.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46.428.827.960	52.061.107.960
3. Cổ phiếu quỹ	415		(10.100.000)	(10.100.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.019.289.456	1.935.474.500
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.668.234.087	23.893.985.972
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.365.128.151	2.901.652.073
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.303.105.936	20.992.333.899
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		970.962.142.969	883.825.240.452

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Vân

Nguyễn Thị Thanh Vân

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Hoàng

Nguyễn Minh Hoàng



Trần Thanh Hương

13684
CÔNG TY
NHÀ MÀU
VỤ TỬ
NH KẾ
TỔNG TÀI
M VIỆT
P. HỒ C

C. P. H. M.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.024.290.941.182	910.116.441.989
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	374.542.294	988.063.703
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.023.916.398.888	909.128.378.286
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	935.645.593.413	828.267.485.995
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		88.270.805.475	80.860.892.291
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	12.336.063.769	13.639.837.150
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	39.447.152.745	38.869.580.446
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>37.081.229.757</i>	<i>35.645.704.516</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	16.745.023.104	19.435.269.881
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	14.862.772.046	14.333.555.785
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.551.921.349	21.862.323.329
11. Thu nhập khác	31	VI.7	532.423.549	5.648.869.637
12. Chi phí khác	32	VI.8	103.730.929	1.771.722.317
13. Lợi nhuận khác	40		428.692.620	3.877.147.320
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.980.613.969	25.739.470.649
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	5.677.508.033	4.747.136.750
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.303.105.936	20.992.333.899

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Vân

Nguyễn Minh Hoàng

Trần Thanh Hương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		29.980.613.969	25.739.470.649
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		18.980.229.333	18.251.713.780
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		656.076.656	106.619.984
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.691.108.825)	(17.931.708.009)
- Chi phí lãi vay	06		37.081.229.757	35.645.704.516
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		75.007.040.890	61.811.800.920
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(115.483.557.860)	(78.378.392.444)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		18.678.056.966	(1.063.219.590)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		29.014.251.149	19.979.096.895
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		3.390.512.531	713.370.429
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(37.081.229.757)	(34.214.475.531)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(747.136.750)	(2.604.845.547)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.745.722.667)	(2.976.556.534)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(28.967.785.498)	(36.733.221.402)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.443.946.784)	(81.952.371.102)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(27.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		21.000.000.000	14.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(39.590.000.000)	(16.445.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		52.100.000.000	25.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		873.692.157	2.653.072.082
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.060.254.627)	(56.744.299.020)



11

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	99.889.048.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		832.474.633.106	727.205.904.089
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(780.514.506.510)	(722.896.525.957)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(8.885.783.697)	(8.487.265.887)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.128.442.200)	(6.251.168.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>29.945.900.699</i>	<i>89.459.991.745</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.082.139.426)	(4.017.528.677)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.659.596.950	12.685.617.515
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		49.190.161	(8.491.888)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	5.626.647.685	8.659.596.950

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Vân

Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Hoàng

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Hương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 07 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần 20 ngày 04 tháng 09 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
-

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách Công ty con:

Tên Công ty	Tỷ lệ	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu	65%	Lô C, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/10 năm này và kết thúc vào ngày 30/09 của năm tiếp theo.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	04 – 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 06 năm
- Quyền sử dụng đất	32 – 44 năm
- Chương trình phần mềm	05 – 08 năm

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc và thiết bị	07 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b) Đầu tư vào công ty con; Công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận nợ phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

17. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

738
TY
ÁN
HIỆP
IÀU
16 C

03052
TRÁCH
DỊCH
TÀI CHÍNH
VÀ
N
1.1. T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
Tiền mặt	387.669.439	930.347.531
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.238.978.246	7.729.249.419
Cộng	5.626.647.685	8.659.596.950



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/09/2018			01/10/2017		
	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		20.000.000.000	20.000.000.000		14.000.000.000	14.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn bảo lãnh các khoản vay		14.000.000.000	14.000.000.000		14.000.000.000	14.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		6.000.000.000	6.000.000.000		-	-
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		35.360.500.000			37.370.500.000	
- Đầu tư vào Công ty con		19.545.000.000			13.840.000.000	
+ Công ty TNHH Ngr Nghiệp Hùng Hậu	65%	19.545.000.000	(*)	65%	13.840.000.000	(*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-			13.315.000.000	
+ Công ty TNHH Nha Môn (a)		-		48%	12.015.000.000	(*)
+ Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu (b)		-		50%	1.300.000.000	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác		15.815.500.000			10.215.500.000	
+ Công ty CP Thủy sản Năm Căn (15.952 CP)		159.520.000	207.376.000		159.520.000	207.376.000
+ Công ty CP Bao bì Thủy sản (6.598 CP)		65.980.000	(*)		65.980.000	(*)
+ Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu (b)	10%	5.000.000.000	(*)		-	
+ Công ty TNHH Thực Phẩm Hùng Hậu	17%	10.090.000.000	(*)	17%	9.990.000.000	(*)
+ Quỹ trái tim Hùng Hậu		500.000.000	(*)		-	

(a) Trong năm, Công ty chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Nha Môn theo Nghị quyết số 10.2018/NQ-HĐQT ngày 12/09/2018.

(b) Trong năm, Công ty chuyển nhượng 40% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu, xuống còn 10% vốn điều lệ (tương đương 5.000.000.000 VND) thông qua Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 27/09/2018.

(*) Tại ngày 01/10/2017 và ngày 30/09/2018, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán này nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	340.312.529.107	230.143.969.191
Phải thu khách hàng trong nước	320.983.919.891	204.320.606.121
Phải thu khách hàng nước ngoài	19.328.609.216	25.823.363.070
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	60.603.563	621.481.483

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Xây Dựng Hùng Hậu	1.164.740.945	1.123.213.991
Công ty Cổ phần kiến trúc Xây dựng Nhà Vui	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Phát Triển Miền Tây	5.000.000.000	-
Các khoản trả trước người bán ngắn hạn khác	1.219.147.290	1.762.282.552
Cộng	7.383.888.235	3.885.496.543

5. Phải thu khác

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.755.951.227	1.512.627.697
Lãi tiền gửi dự thu	694.408.333	376.991.665
Phải thu tạm ứng cán bộ công nhân viên	409.766.894	483.860.032
Phải thu khác	651.776.000	651.776.000
b) Dài hạn	7.190.864.607	8.071.178.746
Ký quỹ thuê tài chính - Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	5.185.533.800	5.185.533.800
Thuế GTGT tài sản thuê tài chính	1.976.345.807	2.761.181.896
Phải thu cán bộ công nhân viên mượn tiền mua cổ phiếu	28.985.000	124.463.050
Cộng	8.946.815.834	9.583.806.443

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	30/09/2018		01/10/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.057.709.609	-	2.091.022.826	-
Công cụ, dụng cụ	2.599.178.239	-	3.184.373.033	-
Thành phẩm	182.668.685.301	-	200.728.234.256	-
Cộng	187.325.573.149	-	206.003.630.115	

Đơn vị tính: VND

7. Chi phí trả trước

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.494.908.533	1.692.083.429
Chi phí Bảo Hiểm chờ kết chuyển	282.778.662	245.950.576
Tiền thuê đất	722.366.645	745.928.309
Công cụ dụng cụ xuất dùng	35.750.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	454.013.226	700.204.544
b) Dài hạn	31.127.060.806	34.320.398.441
Tiền thuê đất (*)	30.339.728.742	33.099.554.694
Chi phí sửa chữa	782.529.032	1.187.222.535
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.803.032	33.621.212
Cộng	32.621.969.339	36.012.481.870

(*) Trong đó: Tiền thuê đất trả trước một lần tại số 624 và 642 Âu Cơ, P.10, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với thời gian thuê từ 32 - 42 năm đã được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với giá trị còn phân bổ là 29.739.248.295 VND; Tiền thuê đất tại số 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh với giá trị còn phân bổ là 472.238.415 VND và Tiền thuê đất tại Lai Vung Đồng Tháp với giá trị còn phân bổ là 128.242.032 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư đầu năm	135.873.037.084	74.193.679.310	7.192.708.803	2.179.699.876	219.439.125.073
Số tăng trong năm	2.130.811.527	625.836.490	-	-	2.756.648.017
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	138.003.848.611	74.819.515.804	7.192.708.803	2.179.699.872	222.195.773.090
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư đầu năm	17.431.944.128	27.110.110.672	4.407.365.975	1.626.912.657	50.576.333.432
Khấu hao trong năm	5.156.227.620	7.034.876.165	456.876.772	248.978.316	12.896.958.873
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	22.588.171.748	34.144.986.837	4.864.242.747	1.875.890.973	63.473.292.305
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày đầu năm	118.441.092.956	47.083.568.642	2.785.342.828	552.787.215	168.862.791.641
Tại ngày cuối năm	115.415.676.863	40.674.528.967	2.328.466.056	303.808.899	158.722.480.785
				30/09/2018	01/10/2017
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay				139.797.677.102	148.447.379.138
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				10.311.551.473	9.016.769.695

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư đầu năm	42.569.516.469	4.672.327.942	47.241.844.411
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	42.569.516.469	4.672.327.942	47.241.844.411
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu năm	5.837.169.797	1.114.544.878	6.951.714.675
Khấu hao trong năm	4.243.623.420	584.040.984	4.827.664.404
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	10.080.793.217	1.698.585.862	11.779.379.079
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày đầu năm	36.732.346.672	3.557.783.064	40.290.129.736
Tại ngày cuối năm	32.488.723.252	2.973.742.080	35.462.465.332

Ghi chú: Công ty thuê tài chính của Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam, thời hạn thuê từ 36 đến 60 tháng.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư đầu năm	112.743.912.250	283.100.000	113.027.012.250
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	112.743.912.250	283.100.000	113.027.012.250
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu năm	3.084.534.746	153.470.229	3.238.004.975
Khấu hao trong năm	1.220.218.560	35.387.496	1.255.606.056
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	4.304.753.306	188.857.725	4.493.611.031
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày đầu năm	109.659.377.504	129.629.771	109.789.007.275
Tại ngày cuối năm	108.439.158.944	94.242.275	108.533.401.219

30/09/2018

01/10/2017

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

106.570.202.044

107.790.420.604

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJI Plaza	1.878.034.091	1.878.034.091
Dự án nhà máy Thủy Sản Lai Vung Đồng Tháp	-	1.808.786.982
Dự án nhà máy Thủy Sản Sa Đéc Đồng Tháp	2.097.996.878	170.036.364
Dự án Công trình HHA OFFICE	8.079.631.490	1.291.615.056
Dự án Công trình nhà máy Nha Môn	1.848.750.001	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	406.630.818	475.272.018
Cộng	14.311.043.278	5.623.744.511

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

a) Phải trả người bán ngắn hạn	30/09/2018		01/10/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Trần Hân	3.560.997.500	3.560.997.500	10.736.708.547	10.736.708.547
Công ty TNHH Hùng Cá	19.030.316.000	19.030.316.000	20.660.754.400	20.660.754.400
Công ty TNHH Ngư Nghiệp Hùng Hậu	19.472.325.493	19.472.325.493	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn khác	104.767.283.217	104.767.283.217	79.333.411.160	79.333.411.160
Cộng	146.830.922.210	146.830.922.210	110.730.874.107	110.730.874.107

b) Phải trả người bán là các bên liên quan	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	27.753.095	5.527.500
Công ty TNHH Ngư Nghiệp Hùng Hậu	19.472.325.493	-

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/10/2017	Số phải nộp	Số đã thực nộp	30/09/2018
Thuế TNDN	4.753.636.431	5.677.508.033	747.136.750	9.684.007.714
Thuế TNCN	50.079.052	766.802.592	482.740.126	334.141.518
Tiền thuế đất	54.706.320	1.992.947.130	251.809.686	1.795.843.764
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	4.858.421.803	8.442.257.755	1.486.686.562	11.813.992.996

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
Nhận trước tiền cho thuê mặt bằng	5.808.000.000	-
Cộng	5.808.000.000	-

15. Phải trả khác

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	5.405.197.436	15.098.903.887
- Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	2.160.419.320	760.887.016
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông	118.858.900	101.590.200
- Công ty CP Phát triển Hùng Hậu – Nhận góp vốn Hợp tác kinh doanh dự án căn hộ cao cấp SJ1 Plaza	-	4.000.000.000
- Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu (*)	-	8.026.775.000
- Phải trả khác	3.125.919.216	2.209.651.671
b) Dài hạn	35.219.775.000	21.900.000.000
- Công ty CP Phát triển Hùng Hậu – Nhận góp vốn Hợp tác kinh doanh dự án căn hộ cao cấp SJ1 Plaza	4.000.000.000	-
- Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu (*)	7.954.775.000	-
- Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu (**)	18.900.000.000	21.900.000.000
- Công ty TNHH Nư Nghiệp Hùng Hậu (***)	4.365.000.000	-
Cộng	40.624.972.436	36.998.903.887

(*) Công ty mượn của Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu theo hợp đồng vay mượn số 01-MT-2016 ngày 24/08/2016 và phụ lục hợp đồng số 01-MT-PL ngày 31/12/2017, thời hạn trả tiền trước ngày 31/12/2020.

(**) Công ty mượn của Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu theo các hợp đồng mượn tiền và phụ lục hợp đồng số 02-MT-PL ngày 31/12/2017, thời hạn trả tiền trước ngày 31/12/2020.

(***) Công ty mượn của Công ty TNHH Nư Nghiệp Hùng Hậu theo hợp đồng mượn tiền số 01-MT-2018 ngày 19/04/2018, thời hạn trả tiền trước ngày 31/12/2019.

c) Phải trả khác là các bên liên quan

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
- Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	4.000.000.000	4.000.000.000
- Công ty TNHH Nư Nghiệp Hùng Hậu	4.365.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/09/2018		Trong năm		01/10/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	368.993.185.950	368.993.185.950	855.570.897.861	789.098.852.207	302.521.140.296	302.521.140.296
- Vay ngắn hạn (*)	339.622.413.126	339.622.413.126	826.752.746.164	760.941.504.510	273.811.171.472	273.811.171.472
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB)	-	-	36.971.213.690	108.715.125.574	71.743.911.884	71.743.911.884
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	104.445.574.000	104.445.574.000	251.078.046.632	245.956.449.439	99.323.976.807	99.323.976.807
+ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	36.663.443.290	36.663.443.290	161.598.935.799	187.869.319.290	62.933.826.781	62.933.826.781
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	38.227.112.000	38.227.112.000	91.028.064.543	85.710.408.543	32.909.456.000	32.909.456.000
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	149.936.283.836	149.936.283.836	275.726.485.500	125.790.201.664	-	-
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	10.350.000.000	10.350.000.000	10.350.000.000	6.900.000.000	6.900.000.000	6.900.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	29.370.772.824	29.370.772.824	28.818.151.697	28.157.347.697	28.709.968.824	28.709.968.824
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	5.028.800.004	5.028.800.004	5.028.800.000	5.028.800.000	5.028.800.004	5.028.800.004
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	10.130.844.000	10.130.844.000	10.130.844.000	9.470.040.000	9.470.040.000	9.470.040.000
+ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	4.772.724.000	4.772.724.000	4.772.724.000	4.772.724.000	4.772.724.000	4.772.724.000
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	9.438.404.820	9.438.404.820	8.885.783.697	8.885.783.697	9.438.404.820	9.438.404.820

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	30/09/2018		Trong năm		01/10/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Dài hạn (**)	112.191.187.890	112.191.187.890	6.400.000.000	29.119.589.697	134.910.777.587	134.910.777.587
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	33.310.999.996	33.310.999.996	-	5.028.800.000	38.339.799.996	38.339.799.996
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	58.494.248.000	58.494.248.000	6.400.000.000	10.432.282.000	62.526.530.000	62.526.530.000
+ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	7.556.825.000	7.556.825.000	-	4.772.724.000	12.329.549.000	12.329.549.000
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	12.829.114.894	12.829.114.894	-	8.885.783.697	21.714.898.591	21.714.898.591
Cộng	481.184.373.840	481.184.373.840	861.970.897.861	818.218.441.904	437.431.917.883	437.431.917.883

c) Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại 30/09/2018		Phương thức đảm bảo
			USD	VND	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	LD1623100028	12 tháng		93.457.000.000	Thế chấp
	LD1623100028	12 tháng	470.200,00	10.988.574.000	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	CVL.DN.649.170817300616	6 tháng		19.000.000.000	Thế chấp
	CVL.DN.649.170817300616	6 tháng	755.817,00	17.663.443.290	Thế chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	1606-LAV-201800238	6 tháng		6.500.000.000	Thế chấp
	1606-LAV-201800238	6 tháng	1.357.600,00	31.727.112.000	Thế chấp
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	01/2017/1777831/HĐTĐ	6 tháng		149.936.283.836	Thế chấp
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	2018-00033-000	6 tháng		10.350.000.000	Tín chấp
Cộng				339.622.413.126	

(**) Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

+ Chi tiết các khoản vay dài hạn:

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại 30/09/2018			Phương thức đảm bảo
			Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	LD1511700300	120 tháng	3.200.040.000	17.866.490.000	21.066.530.000	Thế chấp
	LD1623100028	120 tháng	4.530.000.000	31.710.000.000	36.240.000.000	Thế chấp
	LD1623100028	60 tháng	1.740.000.000	3.480.000.000	5.220.000.000	Thế chấp
	LD1735300522	120 tháng	50.000.000	412.500.000	462.500.000	Thế chấp
	LD1735400307	120 tháng	340.012.000	2.804.979.000	3.144.991.000	Thế chấp
	LD1823400680	112 tháng	107.148.000	883.923.000	991.071.000	Thế chấp
	LD1826400264	120 tháng	163.644.000	1.336.356.000	1.500.000.000	Thế chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	LAV201500825	60 tháng	328.800.000	411.000.000	739.800.000	Thế chấp
	LAV201600721	120 tháng	4.700.000.004	32.899.999.996	37.600.000.000	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	CVL.DN.895.170817	44 tháng	4.772.724.000	7.556.825.000	12.329.549.000	Thế chấp
Cộng			19.932.368.004	99.362.072.996	119.294.441.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

+ Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam để mua máy móc, thiết bị, xe ô tô. Chi tiết các khoản thuê như sau:

Số hợp đồng thuê	Thời hạn thuê	Số dư nợ gốc tại 30/09/2018		
		Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
2015-00063-001	60 tháng	700.771.764	350.385.849	1.051.157.613
2015-00136-001	60 tháng	2.042.989.428	1.361.992.931	3.404.982.359
2015-00171-001	48 tháng	890.392.575	-	890.392.575
2015-00171-002	48 tháng	63.190.141	-	63.190.141
2015-00178-001	48 tháng	1.143.793.388	190.632.166	1.334.425.554
2015-00191-001	60 tháng	1.056.728.976	1.673.154.198	2.729.883.174
2017-00028-001	60 tháng	3.134.324.928	8.880.587.278	12.014.912.206
2017-00108-001	36 tháng	406.213.620	372.362.472	778.576.092
Cộng		9.438.404.820	12.829.114.894	22.267.519.714

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	104.553.710.000	29.153.369.960	(10.100.000)	-	19.896.810.023	153.593.789.983
Tăng vốn trong năm	83.252.260.000	22.907.738.000			(6.270.950.000)	99.889.048.000
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	76.981.310.000	22.907.738.000			-	99.889.048.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	6.270.950.000				(6.270.950.000)	-
Lãi trong năm trước					20.992.333.899	20.992.333.899
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi					(967.737.250)	(967.737.250)
Trích quỹ đầu tư phát triển				1.935.474.500	(1.935.474.500)	-
Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2016					(6.272.616.600)	(6.272.616.600)
Giảm khác					(1.548.379.600)	(1.548.379.600)
Số dư cuối năm trước	187.805.970.000	52.061.107.960	(10.100.000)	1.935.474.500	23.893.985.972	265.686.438.432

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	187.805.970.000	52.061.107.960	(10.100.000)	1.935.474.500	23.893.985.972	265.686.438.432
Tăng vốn trong năm nay	11.264.560.000	(5.632.280.000)			(5.632.280.000)	-
Lãi trong năm nay					24.303.105.936	24.303.105.936
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi					(1.041.907.478)	(1.041.907.478)
Trích quỹ đầu tư phát triển				2.083.814.956	(2.083.814.956)	-
Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2017					(13.145.710.900)	(13.145.710.900)
Giảm khác					(625.144.487)	(625.144.487)
Số dư cuối năm nay	199.070.530.000	46.428.827.960	(10.100.000)	4.019.289.456	25.668.234.087	275.176.781.503

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/09/2018 VND	%	01/10/2017 VND	%
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	64.913.060.000	32,61	61.238.740.000	32,61
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	19.897.390.000	9,99	18.771.130.000	9,99
Vốn góp của các đối tượng khác	114.260.080.000	57,40	107.796.100.000	57,40
Cộng	199.070.530.000	100,00	187.805.970.000	100,00

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức	Từ 01/10/2017	Từ 01/10/2016
	đến 30/09/2018	đến 30/09/2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	187.805.970.000	104.553.710.000
Vốn góp tăng trong năm	11.264.560.000	83.252.260.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	199.070.530.000	187.805.970.000
Cổ tức đã chia	18.777.990.900	12.543.566.600

d) Cổ phiếu	30/09/2018	01/10/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.907.053	18.780.597
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.907.053	18.780.597
- Cổ phiếu phổ thông	19.907.053	18.780.597
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	1.010	1.010
- Cổ phiếu phổ thông	1.010	1.010
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.906.043	18.779.587
- Cổ phiếu phổ thông	19.906.043	18.779.587
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán	30/09/2018	01/10/2017
Ngoại tệ các loại		
+ USD	204.183,50	111.355,56
+ EUR	216,71	227,63

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/10/2017	Từ 01/10/2016
	đến 30/09/2018	đến 30/09/2017
a) Doanh thu	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	968.593.449.481	865.333.233.182
Doanh thu cung cấp dịch vụ	55.697.491.701	44.783.208.807
Cộng	1.024.290.941.182	910.116.441.989
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	2.040.038.675	20.543.381.284

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	55.453.686	53.873.492
Hàng bán bị trả lại	-	924.399.111
Giảm giá hàng bán	319.088.608	9.791.100
Cộng	374.542.294	988.063.703
3. Giá vốn hàng bán	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	935.645.593.413	828.267.485.995
Cộng	935.645.593.413	828.267.485.995
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.152.846.025	903.215.282
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	10.500.000.000	10.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	644.954.944	1.107.181.868
Cổ tức được chia	38.262.800	1.629.440.000
Cộng	12.336.063.769	13.639.837.150
5. Chi phí tài chính	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	37.081.229.757	35.645.704.516
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.365.922.988	3.223.875.930
Cộng	39.447.152.745	38.869.580.446

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng	16.745.023.104	19.435.269.881
Chi phí nhân viên	5.091.807.189	5.314.332.854
Chi phí hoa hồng	526.011.236	1.061.515.117
Chi phí vận chuyển và bảo hiểm hàng hóa	8.811.176.737	9.322.221.919
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.316.027.942	3.737.199.991
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	14.862.772.046	14.333.555.785
Chi phí nhân viên quản lý	8.178.125.559	6.941.759.623
Chi phí khấu hao	254.846.528	681.928.037
Các khoản chi phí quản lý khác	6.429.799.959	6.709.868.125

7. Thu nhập khác

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Lãi từ đánh giá tài sản góp vốn	-	5.399.052.727
Thu nhập khác	532.423.549	249.816.910
Cộng	532.423.549	5.648.869.637

8. Chi phí khác

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Chi phí trả nợ vay trước hạn	-	630.519.444
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp, truy thu thuế	6.225.244	302.029.216
Chi phí khác	97.505.685	839.173.657
Cộng	103.730.929	1.771.722.317

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thu nhập từ hoạt động chế biến trong thủy sản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính. Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.980.613.969	25.739.470.649
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	809.203.658	1.120.691.518
- Các khoản điều chỉnh tăng	847.466.458	2.750.131.518
- Các khoản điều chỉnh giảm	38.262.800	1.629.440.000
Tổng lợi nhuận tính thuế	30.789.817.627	26.860.162.167
Trong đó:		
+ Lợi nhuận tính thuế 15%	9.609.109.856	12.497.913.678
+ Lợi nhuận tính thuế 20%	21.180.707.771	14.362.248.489
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.677.508.033	4.747.136.750

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	797.721.953.076	665.505.157.246
Chi phí nhân công	67.407.771.000	89.355.625.105
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.980.229.333	18.251.713.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.238.008.530	42.267.344.127
Chi phí khác bằng tiền	9.709.868.546	13.663.363.821
Cộng	936.057.830.485	829.043.204.079

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.025.000.333	4.528.512.031
- Thù lao	443.863.600	959.160.332
- Lương	1.581.136.733	3.569.351.699

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Trong năm, ngoài các phát sinh với các bên liên quan ở trên, Công ty còn có các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH Ngr Nghiệp Hùng Hậu	Công ty con	Góp vốn Chi phí gia công Mượn tiền	5.705.000.000 31.281.962.825 4.365.000.000

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018 VND	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017 VND
Xuất khẩu	351.287.547.124	380.592.227.112
Trong nước	672.628.851.764	528.536.151.174
Cộng	1.023.916.398.888	909.128.378.286

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất chế biến thủy sản nên không trình bày báo cáo bộ phận.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

47989
CÔNG TY
HÀNG
NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU
HỒ C

H H H
H H H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm trở lên	Đơn vị tính : VND Tổng cộng
Số cuối năm	519.068.886.240	147.410.962.926	666.479.849.166
Vay và nợ thuê tài chính	368.993.185.914	112.191.187.926	481.184.373.840
Phải trả cho người bán	146.830.922.210	-	146.830.922.210
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả khác	3.244.778.116	35.219.775.000	38.464.553.116
Số đầu năm	442.781.759.773	156.810.777.587	599.592.537.360
Vay và nợ thuê tài chính	302.521.140.296	134.910.777.587	437.431.917.883
Phải trả cho người bán	110.730.874.107	-	110.730.874.107
Chi phí phải trả	15.191.728.499	-	15.191.728.499
Các khoản phải trả khác	14.338.016.871	21.900.000.000	36.238.016.871

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không có. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại : Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2017 đã được kiểm toán.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giá định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Vân

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Hoàng



Trần Thanh Hương



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2018

Số: 09.2018/TTr-ĐHĐCD

TP. HCM, ngày 27 tháng 12 năm 2018

TỜ TRÌNH**V/v: Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPNN Hùng Hậu
Năm tài chính 2019**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu,
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018 của Công ty CP Nông Nghiệp Hùng Hậu.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm tài chính 2018:

STT	Chi tiêu	Đơn vị	Số tiền
A	Nguồn	ĐỒNG	25,690,859,396
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2018	ĐỒNG	24,479,915,583
2	Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm 2018	ĐỒNG	1,210,943,813
B	Phân phối	ĐỒNG	25,600,845,691
1	Quỹ phúc lợi (2% lợi nhuận sau thuế năm 2018)	ĐỒNG	489,598,312
2	Quỹ đầu tư phát triển (2% lợi nhuận sau thuế năm 2018)	ĐỒNG	489,598,312
3	Thù lao HĐQT, BKS (3% lợi nhuận sau thuế năm 2018)	ĐỒNG	734,397,467
4	Cổ tức năm 2018 (12% vốn điều lệ)	ĐỒNG	23,887,251,600
	- Bằng tiền mặt 6%/ vốn điều lệ	ĐỒNG	11,943,625,800
	- Bằng cổ phiếu 6%/ vốn điều lệ	ĐỒNG	11,943,625,800
C	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2019	ĐỒNG	90,013,705

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua

**TRẦN VĂN HẬU**

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

-----o0o-----

Số: 66.2018/HHA/CV-CBTT

(V/v CBTT định kỳ: BCTC hợp nhất Năm tài
chính 2018 – đã được kiểm toán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----C888-----

TP.HCM, ngày 26 tháng 12 năm 2018

**Kính gửi: - Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội;
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu.
2. Mã chứng khoán: SJ1.
3. Địa chỉ liên lạc: 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. HCM.
4. Điện thoại: 028. 3974 1135 – 028. 3974 1136 Fax: 028. 3974 1280
5. Email: info@hunghau.vn.
6. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Thanh Hương – Tổng Giám Đốc.
7. Nội dung công bố thông tin:
 - 7.1. Báo cáo tài chính hợp nhất Năm tài chính 2018 (01/10/2017 – 30/09/2018) của Công Ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu được lập ngày 10/12/2018 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC đã được Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt kiểm toán ngày 17/12/2018.
 - 7.2. Nội dung giải trình:
 - 7.2.1. Giải trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất Năm tài chính 2018 tăng so với cùng kỳ Năm tài chính 2017:
 - Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Năm tài chính 2018 tăng 17% so với cùng kỳ Năm tài chính 2017 là do:
 - + Doanh thu tăng.
 - + Cơ cấu hàng bán khác nhau.
 - 7.2.2. Giải trình BCTC Quý 4/2018 hợp nhất so với BCTC hợp nhất Năm tài chính 2018.
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin trên: www.agri.hunghau.vn.

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Người thực hiện CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TRẦN THANH HƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Số: 70.2018/ICV-HHH

—oOo—

V/v: giải trình kết quả hoạt động
SXKD hợp nhất năm tài chính 2018
tăng so với cùng kỳ năm 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

—oOo—

TP.HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2018

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty xin giải trình kết quả hoạt động SXKD hợp nhất năm tài chính 2018 tăng so với cùng kỳ năm 2017 như sau:

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017 (từ 01/10/2016 đến 30/09/2017)	Năm 2018 (từ 01/10/2017 đến 30/09/2018)	% tăng, giảm
I/ Sản lượng SX-TT				
1. Sản lượng sản xuất	Tấn	5,790	3,059	-47%
2. Sản lượng tiêu thụ	Tấn	6,048	3,782	-37%
II/ Doanh thu - Lợi nhuận				
1. Doanh thu thuần	Triệu đồng	909,128	1,032,842	14%
2. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	20,838	24,480	17%
III/ Các chỉ tiêu tài chính cơ bản				
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	Triệu đồng	235,632	349,986	49%
2. Hàng tồn kho	Triệu đồng	219,712	187,326	-15%
3. Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	463,759	534,634	15%

* Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của năm tài chính 2018 tăng 17% so với cùng kỳ năm 2017 là do:

- _ Doanh thu tăng
- _ Cơ cấu hàng bán khác nhau

Trên đây là phần giải trình biến động KQKD hợp nhất giữa hai kỳ báo cáo của Công Ty CP Nông Nghiệp Hùng Hậu

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- _ Như trên
- _ Lưu TV

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



Trần Thanh Hương

TP.HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2018

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty xin giải trình Báo cáo tài chính quý 4/2018 hợp nhất so với Báo cáo kiểm toán năm 2018 hợp nhất như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Báo cáo lũy kế quý 04/2018 hợp nhất	Báo cáo kiểm toán năm 2018 hợp nhất	Chênh lệch	Lý do
TÀI SẢN				
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	5,900,000,000	900,000,000	5,000,000,000	Điều chỉnh phần vốn góp vào Công ty TNHH Rau Quả Hùng Hậu từ đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh sang đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do tỷ lệ góp vốn giảm xuống.
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10,815,500,000	15,815,500,000	(5,000,000,000)	Điều chỉnh phần vốn góp vào Công ty TNHH Rau Quả Hùng Hậu từ đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh sang đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do tỷ lệ góp vốn giảm xuống.
Tổng cộng tài sản	16,715,500,000	16,715,500,000	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU



TRẦN THANH HƯƠNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018
đã được kiểm toán**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

**Địa chỉ ĐKKD: 29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881
Địa chỉ giao dịch: 26 Nguyễn Huy Tự, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881/ 3820 6881 - Fax: 028. 3820 6881**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 37



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018.

Khái quát

Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 07 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 04 tháng 09 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
-

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Hậu	Chủ tịch	
Ông Từ Thanh Phụng	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	
Ông Trần Thanh Hương	Thành viên	Từ ngày 30/01/2018
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	
Ông Võ Minh Khang	Thành viên	
Bà Đinh Thị Bích Hà	Thành viên	
Ông Ngô Đức Dũng	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Từ Thanh Phụng	Tổng Giám đốc	Đến ngày 02/10/2017
Ông Trần Thanh Hương	Tổng Giám đốc	Từ ngày 02/10/2017
Bà Dư Thiện Minh Trang	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 09/05/2018
Ông Tống Văn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 09/05/2018
Bà Huỳnh Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 09/05/2018
Ông Ngô Văn Thế	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 08/03/2018
Ông Đinh Nhân Thiên Phúc	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 08/03/2018
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 29/06/2018



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Bà Huỳnh Thanh
Ông Huỳnh Minh Tâm
Bà Đinh Thị Bảo Yến

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Đến ngày 28/03/2018

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2018

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Chủ tịch



Trần Văn Hậu

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Trần Thanh Hương



Số : 08-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu và công ty con, được lập ngày 10/12/2018, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu và công ty con tại ngày 30 tháng 09 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Ban Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Ngọc Tuấn

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2837-2014-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2018

Nguyễn Xuân Giang

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2784-2014-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2018	01/10/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		580.816.523.603	494.688.955.588
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.655.648.463	8.795.661.927
1. Tiền	111		5.655.648.463	8.795.661.927
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.000.000.000	14.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	20.000.000.000	14.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		349.985.564.452	235.632.093.431
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	340.765.982.980	230.143.969.191
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.383.888.235	3.885.496.543
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.835.693.237	1.602.627.697
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	187.325.573.149	219.711.928.671
1. Hàng tồn kho	141		187.325.573.149	219.711.928.671
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.849.737.539	16.549.271.559
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.494.908.533	2.949.185.382
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.354.829.006	13.600.086.177
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		372.062.816.027	391.412.750.350
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.190.864.607	8.071.178.746
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	7.190.864.607	8.071.178.746
II. Tài sản cố định	220		302.718.347.336	318.941.928.652
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	158.722.480.785	168.862.791.641
- Nguyên giá	222		222.195.773.090	219.439.125.073
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.473.292.305)	(50.576.333.432)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	35.462.465.332	40.290.129.736
- Nguyên giá	225		47.241.844.411	47.241.844.411
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(11.779.379.079)	(6.951.714.675)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	108.533.401.219	109.789.007.275
- Nguyên giá	228		113.027.012.250	113.027.012.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.493.611.031)	(3.238.004.975)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2018	01/10/2017
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.311.043.278	5.623.744.511
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	14.311.043.278	5.623.744.511
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		16.715.500.000	24.455.500.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	900.000.000	14.240.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	15.815.500.000	10.215.500.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		31.127.060.806	34.320.398.441
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	31.127.060.806	34.320.398.441
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		952.879.339.630	886.101.705.938



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2018	01/10/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		677.679.932.818	620.569.451.844
I. Nợ ngắn hạn	310		534.633.969.928	463.758.674.257
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	127.635.020.412	110.816.361.065
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.741.397.098	7.850.131.001
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	12.653.810.207	4.867.183.738
4. Phải trả người lao động	314		9.501.639.134	6.408.975.978
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	15.249.148.499
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	5.808.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	7.232.349.490	15.898.495.341
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	368.993.185.950	302.521.140.296
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		68.567.637	147.238.339
II. Nợ dài hạn	330		143.045.962.890	156.810.777.587
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	30.854.775.000	21.900.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	112.191.187.890	134.910.777.587
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		275.199.406.812	265.532.254.094
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	275.199.406.812	265.532.254.094
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.070.530.000	187.805.970.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		199.070.530.000	187.805.970.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46.428.827.960	52.061.107.960
3. Cổ phiếu quỹ	415		(10.100.000)	(10.100.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.019.289.456	1.935.474.500
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.690.859.396	23.739.801.634
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.210.943.813	2.901.652.073
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.479.915.583	20.838.149.561
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		952.879.339.630	886.101.705.938

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Vân

Nguyễn Thị Thanh Vân

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Hoàng

Nguyễn Minh Hoàng



Trần Thanh Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.033.216.336.014	910.116.441.989
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	374.542.294	988.063.703
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.032.841.793.720	909.128.378.286
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	939.470.933.869	828.267.485.995
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		93.370.859.851	80.860.892.291
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	12.336.405.740	13.639.957.936
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	39.447.152.745	38.869.580.446
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		37.081.229.757	35.645.704.516
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	16.745.023.104	19.435.269.881
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	19.832.424.554	14.487.160.909
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.682.665.188	21.708.838.991
12. Thu nhập khác	31	VI.7	592.786.635	5.648.869.637
13. Chi phí khác	32	VI.8	104.231.253	1.772.422.317
14. Lợi nhuận khác	40		488.555.382	3.876.447.320
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.171.220.570	25.585.286.311
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	5.691.304.987	4.747.136.750
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.479.915.583	20.838.149.561
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		24.479.915.583	20.838.149.561
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71	VI.10	1.167	1.734

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Vân

Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Hoàng



Tổng Giám đốc

Trần Thanh Hương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.171.220.570	25.585.286.311
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		18.980.229.333	18.251.713.780
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		656.076.656	106.619.984
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.691.450.796)	(17.931.828.795)
- Chi phí lãi vay	06		37.081.229.757	35.645.704.516
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		75.197.305.520	61.657.495.796
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(115.926.753.743)	(78.468.392.444)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		32.386.355.522	(14.771.518.146)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		8.464.375.723	22.409.746.719
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		4.647.614.484	(543.731.524)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(37.081.229.757)	(34.214.475.531)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(747.136.750)	(2.604.845.547)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.745.722.667)	(2.976.556.534)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(34.805.191.668)	(49.512.277.211)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.443.946.784)	(81.952.371.102)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(27.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		21.000.000.000	14.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(33.885.000.000)	(3.530.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		52.125.000.000	25.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		874.034.128	2.653.192.868
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.670.087.344	(43.829.178.234)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	99.889.048.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		832.474.633.106	727.205.904.089
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(780.514.506.510)	(722.896.525.957)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(8.885.783.697)	(8.487.265.887)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.128.442.200)	(6.251.168.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		29.945.900.699	89.459.991.745
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.189.203.625)	(3.881.463.700)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.795.661.927	12.685.617.515
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		49.190.161	(8.491.888)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	5.655.648.463	8.795.661.927



Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Vân

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Hoàng

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Hương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 07 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 04 tháng 09 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
-

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách Công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty	Tỷ lệ	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
Công ty TNHH Ngư nghiệp Hùng Hậu	65%	Lô C, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/10 năm này và kết thúc vào ngày 30/09 của năm tiếp theo.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính của công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của công ty.

Các công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà Công ty có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các công ty liên kết và công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên doanh hoặc liên kết. Khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư được kế toán như sau:

a) Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

990204
CÔNG
CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU
TÂN PHÚ - T. P. HCM

21986
CÔNG TY
KIỂM TRA
VỤ TÀI
CHÍNH
KIỂM TRA
AM VỊNH
TP. HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư lớn hơn giá phí khoản đầu tư được ghi nhận ngay là thu nhập khi xác định phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết phù hợp với kỳ mua khoản đầu tư.

c) Các điều chỉnh đối với phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết sau ngày mua phải được thực hiện, ví dụ như sự suy giảm giá trị TSCĐ hoặc khấu hao TSCĐ dựa vào giá trị hợp lý của TSCĐ tại ngày mua.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết tương ứng với tỉ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của công ty liên kết tương ứng với tỉ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của Công ty.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ đang nằm trong giá trị tài sản (như hàng tồn kho, tài sản cố định...) phải được loại trừ hoàn toàn. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3389-C
TY
ÁN
HIỆP
IAU
HỒ CHÍ MINH

4-C.T
TƯ
VẤN
TOÁN
DÀN
T
CHI MINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	04 – 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 06 năm
- Quyền sử dụng đất	32 – 44 năm
- Chương trình phần mềm	05 – 08 năm

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc và thiết bị	07 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b) Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận nợ phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

03020
CÔNG
CỔ PH
ÔNG N
HÙNG H
T. T. P. H

03020
TRAC
DIEN
TAI CH
VA
HUNG H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
Tiền mặt	394.063.286	1.059.289.065
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.261.585.177	7.736.372.862
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	5.655.648.463	8.795.661.927

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/09/2018		01/10/2017			
	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		20.000.000.000	20.000.000.000		14.000.000.000	14.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn bảo lãnh cho các khoản vay		14.000.000.000	14.000.000.000		14.000.000.000	14.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		6.000.000.000	6.000.000.000		-	-
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		16.715.500.000			24.455.500.000	
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		900.000.000			14.240.000.000	
+ Công ty TNHH Nha Môn (a)		-		48%	12.015.000.000	(*)
+ Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu (b)		-		50%	1.300.000.000	(*)
+ Công ty TNHH Kho lạnh Gió Bắc	30%	900.000.000	(*)	30%	925.000.000	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác		15.815.500.000			10.215.500.000	
+ Công ty CP Thủy sản Năm Căn (15.952 CP)		159.520.000	207.376.000		159.520.000	207.376.000
+ Công ty CP Bao bì Thủy sản (6.598 CP)		65.980.000	(*)		65.980.000	(*)
+ Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu (b)	10%	5.000.000.000	(*)		-	
+ Công ty TNHH Thực Phẩm Hùng Hậu	17%	10.090.000.000	(*)	17%	9.990.000.000	(*)
+ Quỹ trái tim Hùng Hậu		500.000.000	(*)		-	

(a) Trong năm, Công ty chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Nha Môn theo Nghị quyết số 10.2018/NQ-HĐQT ngày 12/09/2018.

(b) Trong năm, Công ty chuyển nhượng 40% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu, xuống còn 10% vốn điều lệ (tương đương 5.000.000.000 VND) thông qua Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 27/09/2018.

(*) Tại ngày 01/10/2017 và ngày 30/09/2018, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán này nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	340.765.982.980	230.143.969.191
Phải thu khách hàng trong nước	321.437.373.764	204.320.606.121
Phải thu khách hàng nước ngoài	19.328.609.216	25.823.363.070
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	60.603.563	621.481.483

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Xây Dựng Hùng Hậu	1.164.740.945	1.123.213.991
Công ty CP kiến trúc Xây dựng Nhà Vui	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Phát Triển Miền Tây	5.000.000.000	-
Các khoản trả trước người bán ngắn hạn khác	1.219.147.290	1.762.282.552
Cộng	7.383.888.235	3.885.496.543

5. Phải thu khác

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.835.693.237	1.602.627.697
Lãi tiền gửi dự thu	694.408.333	376.991.665
Phải thu tạm ứng cán bộ công nhân viên	442.508.904	523.860.032
Phải thu khác	698.776.000	701.776.000
b) Dài hạn	7.190.864.607	8.071.178.746
Ký quỹ thuê tài chính - Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	5.185.533.800	5.185.533.800
Thuế GTGT tài sản thuê tài chính	1.976.345.807	2.761.181.896
Phải thu cán bộ công nhân viên mượn tiền mua cổ phiếu	28.985.000	124.463.050
Cộng	9.026.557.844	9.673.806.443

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/09/2018		01/10/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.057.709.609	-	2.091.022.826	-
Công cụ, dụng cụ	2.599.178.239	-	3.184.373.033	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	13.708.298.556	-
Thành phẩm	182.668.685.301	-	200.728.234.256	-
Cộng	187.325.573.149	-	219.711.928.671	-

7. Chi phí trả trước

	31/03/2018	01/10/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.494.908.533	2.949.185.382
Chi phí Bảo Hiểm chờ kết chuyển	282.778.662	245.950.576
Tiền thuê đất	722.366.645	745.928.309
Công cụ dụng cụ xuất dùng	35.750.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	454.013.226	1.957.306.497
b) Dài hạn	31.127.060.806	34.320.398.441
Tiền thuê đất (*)	30.339.728.742	33.099.554.694
Chi phí sửa chữa	782.529.032	1.187.222.535
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.803.032	33.621.212
Cộng	32.621.969.339	37.269.583.823

(*) Trong đó: Tiền thuê đất trả trước một lần tại số 624 và 642 Âu Cơ, P.10, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với thời gian thuê từ 32 - 42 năm đã được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với giá trị còn phân bổ là 29.739.248.295 VND; Tiền thuê đất tại số 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh với giá trị còn phân bổ là 472.238.415 VND và Tiền thuê đất tại Lai Vung Đồng Tháp với giá trị còn phân bổ là 128.242.032 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư đầu năm	135.873.037.084	74.193.679.310	7.192.708.803	2.179.699.876	219.439.125.073
Số tăng trong năm	2.130.811.527	625.836.490	-	-	2.756.648.017
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	138.003.848.611	74.819.515.804	7.192.708.803	2.179.699.872	222.195.773.090
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư đầu năm	17.431.944.128	27.110.110.672	4.407.365.975	1.626.912.657	50.576.333.432
Khấu hao trong năm	5.156.227.620	7.034.876.165	456.876.772	248.978.316	12.896.958.873
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	22.588.171.748	34.144.986.837	4.864.242.747	1.875.890.973	63.473.292.305
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày đầu năm	118.441.092.956	47.083.568.642	2.785.342.828	552.787.215	168.862.791.641
Tại ngày cuối năm	115.415.676.863	40.674.528.967	2.328.466.056	303.808.899	158.722.480.785
				30/09/2018	01/10/2017
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay				139.797.677.102	148.447.379.138
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				10.311.551.473	9.016.769.695

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư đầu năm	42.569.516.469	4.672.327.942	47.241.844.411
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	42.569.516.469	4.672.327.942	47.241.844.411
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu năm	5.837.169.797	1.114.544.878	6.951.714.675
Khấu hao trong năm	4.243.623.420	584.040.984	4.827.664.404
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	10.080.793.217	1.698.585.862	11.779.379.079
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày đầu năm	36.732.346.672	3.557.783.064	40.290.129.736
Tại ngày cuối năm	32.488.723.252	2.973.742.080	35.462.465.332

Ghi chú: Công ty thuê tài chính của Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam, thời hạn thuê từ 36 đến 60 tháng.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư đầu năm	112.743.912.250	283.100.000	113.027.012.250
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	112.743.912.250	283.100.000	113.027.012.250
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu năm	3.084.534.746	153.470.229	3.238.004.975
Khấu hao trong năm	1.220.218.560	35.387.496	1.255.606.056
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	4.304.753.306	188.857.725	4.493.611.031
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày đầu năm	109.659.377.504	129.629.771	109.789.007.275
Tại ngày cuối năm	108.439.158.944	94.242.275	108.533.401.219

	30/09/2018	01/10/2017
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay	106.570.202.044	107.790.420.604

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJI Plaza	1.878.034.091	1.878.034.091
Dự án nhà máy Thủy Sản Lai Vung Đồng Tháp	-	1.808.786.982
Dự án nhà máy Thủy Sản Sa Đéc Đồng Tháp	2.097.996.878	170.036.364
Dự án Công trình HHA OFFICE	8.079.631.490	1.291.615.056
Dự án Công trình nhà máy Nha Môn	1.848.750.001	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	406.630.818	475.272.018
Cộng	14.311.043.278	5.623.744.511

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

a) Phải trả người bán ngắn hạn	30/09/2018		01/10/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Trần Hân	3.560.997.500	3.560.997.500	10.736.708.547	10.736.708.547
Công ty TNHH Hùng Cá	19.030.316.000	19.030.316.000	20.660.754.400	20.660.754.400
Phải trả người bán ngắn hạn khác	105.043.706.912	105.043.706.912	79.418.898.118	79.418.898.118
Cộng	127.635.020.412	127.635.020.412	110.816.361.065	110.816.361.065

b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	27.753.095	5.527.500

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/10/2017	Số phải nộp	Số đã thực nộp	30/09/2018
Thuế giá trị gia tăng	-	2.016.972.794	1.200.000.000	816.972.794
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.753.636.431	5.691.304.987	747.136.750	9.697.804.668
Thuế thu nhập cá nhân	56.533.387	787.988.050	505.538.456	338.982.981
Thuế tài nguyên	2.307.600	43.820.400	41.922.000	4.206.000
Tiền thuế đất	54.706.320	1.992.947.130	251.809.686	1.795.843.764
Các loại thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
Cộng	4.867.183.738	10.541.033.361	2.754.406.892	12.653.810.207

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
Nhận trước tiền cho thuê mặt bằng	5.808.000.000	-
Cộng	5.808.000.000	-

15. Phải trả khác

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	7.232.349.490	15.898.495.341
- Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	3.987.571.374	1.537.282.136
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông	118.858.900	101.590.200
- Công ty CP Phát triển Hùng Hậu – Nhận góp vốn Hợp tác kinh doanh dự án căn hộ cao cấp SJ1 Plaza	-	4.000.000.000
- Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu (*)	-	8.026.775.000
- Phải trả khác	3.125.919.216	2.232.848.005
b) Dài hạn	30.854.775.000	21.900.000.000
- Công ty CP Phát triển Hùng Hậu – Nhận góp vốn Hợp tác kinh doanh dự án căn hộ cao cấp SJ1 Plaza	4.000.000.000	-
- Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu (*)	7.954.775.000	-
- Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu (**)	18.900.000.000	21.900.000.000
Cộng	38.087.124.490	37.798.495.341

(*) Công ty mượn của Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu theo hợp đồng vay mượn số 01-MT-2016 ngày 24/08/2016 và phụ lục hợp đồng số 01-MT-PL ngày 31/12/2017, thời hạn trả tiền trước ngày 31/12/2020.

(**) Công ty mượn của Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu theo các hợp đồng mượn tiền và phụ lục hợp đồng số 02-MT-PL ngày 31/12/2017, thời hạn trả tiền trước ngày 31/12/2020.

c) Phải trả khác là các bên liên quan

	30/09/2018	01/10/2017
	VND	VND
- Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	4.000.000.000	4.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/09/2018		Trong năm		01/10/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	368.993.185.950	368.993.185.950	855.570.897.825	789.098.852.207	302.521.140.296	302.521.140.296
- Vay ngắn hạn (*)	339.622.413.126	339.622.413.126	826.752.746.164	760.941.504.510	273.811.171.472	273.811.171.472
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB)	-	-	36.971.213.690	108.715.125.574	71.743.911.884	71.743.911.884
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	104.445.574.000	104.445.574.000	251.078.046.632	245.956.449.439	99.323.976.807	99.323.976.807
+ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	36.663.443.290	36.663.443.290	161.598.935.799	187.869.319.290	62.933.826.781	62.933.826.781
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	38.227.112.000	38.227.112.000	91.028.064.543	85.710.408.543	32.909.456.000	32.909.456.000
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	149.936.283.836	149.936.283.836	275.726.485.500	125.790.201.664	-	-
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	10.350.000.000	10.350.000.000	10.350.000.000	6.900.000.000	6.900.000.000	6.900.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	29.370.772.824	29.370.772.824	28.818.151.697	28.157.347.697	28.709.968.824	28.709.968.824
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	5.028.800.004	5.028.800.004	5.028.800.000	5.028.800.000	5.028.800.004	5.028.800.004
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	10.130.844.000	10.130.844.000	10.130.844.000	9.470.040.000	9.470.040.000	9.470.040.000
+ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	4.772.724.000	4.772.724.000	4.772.724.000	4.772.724.000	4.772.724.000	4.772.724.000
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	9.438.404.820	9.438.404.820	8.885.783.697	8.885.783.697	9.438.404.820	9.438.404.820

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	30/09/2018		Trong năm		01/10/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Dài hạn (**)	112.191.187.890	112.191.187.890	6.400.000.000	29.119.589.697	134.910.777.587	134.910.777.587
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	33.310.999.996	33.310.999.996	-	5.028.800.000	38.339.799.996	38.339.799.996
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	58.494.248.000	58.494.248.000	6.400.000.000	10.432.282.000	62.526.530.000	62.526.530.000
+ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	7.556.825.000	7.556.825.000	-	4.772.724.000	12.329.549.000	12.329.549.000
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	12.829.114.894	12.829.114.894	-	8.885.783.697	21.714.898.591	21.714.898.591
Cộng	481.184.373.840	481.184.373.840	861.970.897.861	818.218.441.904	437.431.917.883	437.431.917.883

c) Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại 30/09/2018		Phương thức đảm bảo
			USD	VND	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	LD1623100028	12 tháng		93.457.000.000	Thế chấp
	LD1623100028	12 tháng	470.200,00	10.988.574.000	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	CVL.DN.649.170817300616	6 tháng		19.000.000.000	Thế chấp
	CVL.DN.649.170817300616	6 tháng	755.817,00	17.663.443.290	Thế chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	1606-LAV-201800238	6 tháng		6.500.000.000	Thế chấp
	1606-LAV-201800238	6 tháng	1.357.600,00	31.727.112.000	Thế chấp
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)	01/2017/1777831/HĐTD	6 tháng		149.936.283.836	Thế chấp
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	2018-00033-000	6 tháng		10.350.000.000	Tin chấp
Cộng				339.622.413.126	

(**) Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:
+ Chi tiết các khoản vay dài hạn:

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại 30/09/2018			Phương thức đảm bảo
			Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	LD1511700300	120 tháng	3.200.040.000	17.866.490.000	21.066.530.000	Thế chấp
	LD1623100028	120 tháng	4.530.000.000	31.710.000.000	36.240.000.000	Thế chấp
	LD1623100028	60 tháng	1.740.000.000	3.480.000.000	5.220.000.000	Thế chấp
	LD1735300522	120 tháng	50.000.000	412.500.000	462.500.000	Thế chấp
	LD1735400307	120 tháng	340.012.000	2.804.979.000	3.144.991.000	Thế chấp
	LD1823400680	112 tháng	107.148.000	883.923.000	991.071.000	Thế chấp
	LD1826400264	120 tháng	163.644.000	1.336.356.000	1.500.000.000	Thế chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	LAV201500825	60 tháng	328.800.000	411.000.000	739.800.000	Thế chấp
	LAV201600721	120 tháng	4.700.000.004	32.899.999.996	37.600.000.000	Thế chấp
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	CVL.DN.895.170817	44 tháng	4.772.724.000	7.556.825.000	12.329.549.000	Thế chấp
Cộng			19.932.368.004	99.362.072.996	119.294.441.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

+ Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam để mua máy móc, thiết bị, xe ô tô. Chi tiết các khoản thuê như sau:

Số hợp đồng thuê	Thời hạn thuê	Số dư nợ gốc tại 30/09/2018		
		Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
2015-00063-001	60 tháng	700.771.764	350.385.849	1.051.157.613
2015-00136-001	60 tháng	2.042.989.428	1.361.992.931	3.404.982.359
2015-00171-001	48 tháng	890.392.575	-	890.392.575
2015-00171-002	48 tháng	63.190.141	-	63.190.141
2015-00178-001	48 tháng	1.143.793.388	190.632.166	1.334.425.554
2015-00191-001	60 tháng	1.056.728.976	1.673.154.198	2.729.883.174
2017-00028-001	60 tháng	3.134.324.928	8.880.587.278	12.014.912.206
2017-00108-001	36 tháng	406.213.620	372.362.472	778.576.092
Cộng		9.438.404.820	12.829.114.894	22.267.519.714

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	104.553.710.000	29.153.369.960	(10.100.000)	-	19.896.810.023	153.593.789.983
Tăng vốn trong năm	83.252.260.000	22.907.738.000		-	(6.270.950.000)	99.889.048.000
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	76.981.310.000	22.907.738.000			-	99.889.048.000
Chia cổ tức bằng CP	6.270.950.000				(6.270.950.000)	-
Lãi trong năm trước					20.838.149.561	20.838.149.561
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi					(967.737.250)	(967.737.250)
Trích quỹ đầu tư phát triển				1.935.474.500	(1.935.474.500)	-
Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2016					(6.272.616.600)	(6.272.616.600)
Giảm khác					(1.548.379.600)	(1.548.379.600)
Số dư cuối năm trước	187.805.970.000	52.061.107.960	(10.100.000)	1.935.474.500	23.739.801.634	265.532.254.094

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

17. **Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

	Đơn vị tính: VND					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	187.805.970.000	52.061.107.960	(10.100.000)	1.935.474.500	23.739.801.634	265.532.254.094
Tăng vốn trong năm	11.264.560.000	(5.632.280.000)			(5.632.280.000)	-
Lãi trong năm nay					24.479.915.583	24.479.915.583
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi					(1.041.907.478)	(1.041.907.478)
Trích quỹ đầu tư phát triển				2.083.814.956	(2.083.814.956)	-
Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2017					(13.145.710.900)	(13.145.710.900)
Giảm khác					(625.144.487)	(625.144.487)
Số dư cuối năm nay	199.070.530.000	46.428.827.960	(10.100.000)	4.019.289.456	25.690.859.396	275.199.406.812

b) **Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/09/2018		01/10/2017	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	64.913.060.000	32,61	61.238.740.000	32,61
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	19.897.390.000	9,99	18.771.130.000	9,99
Vốn góp của các đối tượng khác	114.260.080.000	57,40	107.796.100.000	57,40
Cộng	199.070.530.000	100,00	187.805.970.000	100,00

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	187.805.970.000	104.553.710.000
Vốn góp tăng trong năm	11.264.560.000	83.252.260.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	199.070.530.000	187.805.970.000
Cổ tức đã chia	18.777.990.900	12.543.566.600

d) Cổ phiếu	30/09/2018	01/10/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.907.053	18.780.597
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.907.053	18.780.597
- Cổ phiếu phổ thông	19.907.053	18.780.597
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	1.010	1.010
- Cổ phiếu phổ thông	1.010	1.010
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.906.043	18.779.587
- Cổ phiếu phổ thông	19.906.043	18.779.587
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất	30/09/2018	01/10/2017
Ngoại tệ các loại		
+ USD	204.183,50	111.355,56
+ EUR	216,71	227,63

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	968.593.449.481	865.333.233.182
Doanh thu cung cấp dịch vụ	64.622.886.533	44.783.208.807
Cộng	1.033.216.336.014	910.116.441.989
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu	2.040.038.675	20.543.381.284

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	55.453.686	53.873.492
Hàng bán bị trả lại	-	924.399.111
Giảm giá hàng bán	319.088.608	9.791.100
Cộng	374.542.294	988.063.703
3. Giá vốn hàng bán	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	939.470.933.869	828.267.485.995
Cộng	939.470.933.869	828.267.485.995
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.153.187.996	903.336.068
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	10.500.000.000	10.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	644.954.944	1.107.181.868
Cổ tức được chia	38.262.800	1.629.440.000
Cộng	12.336.405.740	13.639.957.936
5. Chi phí tài chính	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	37.081.229.757	35.645.704.516
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.365.922.988	3.223.875.930
Cộng	39.447.152.745	38.869.580.446

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng	16.745.023.104	19.435.269.881
Chi phí nhân viên	5.091.807.189	5.314.332.854
Chi phí hoa hồng	526.011.236	1.061.515.117
Chi phí vận chuyển và bảo hiểm hàng hóa	8.811.176.737	9.322.221.919
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.316.027.942	3.737.199.991
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	19.832.424.554	14.487.160.909
Chi phí nhân viên quản lý	12.189.075.526	6.941.759.623
Chi phí khấu hao	254.846.528	681.928.037
Các khoản chi phí quản lý khác	7.388.502.500	6.863.473.249

7. Thu nhập khác

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Lãi từ đánh giá tài sản góp vốn	-	5.399.052.727
Thu nhập khác	592.786.635	249.816.910
Cộng	592.786.635	5.648.869.637

8. Chi phí khác

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Chi phí trả nợ vay trước hạn	-	630.519.444
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp, truy thu thuế	6.225.244	302.729.216
Chi phí khác	98.006.009	839.173.657
Cộng	104.231.253	1.772.422.317

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thu nhập từ hoạt động chế biến trong thủy sản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính. Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.171.220.570	25.585.286.311
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	687.581.825	1.274.875.856
- Các khoản điều chỉnh tăng	880.028.963	2.904.315.856
- Các khoản điều chỉnh giảm	192.447.138	1.629.440.000
Tổng lợi nhuận tính thuế	30.858.802.395	26.860.162.167
Trong đó:		
+ Lợi nhuận tính thuế 15%	9.609.109.856	12.497.913.678
+ Lợi nhuận tính thuế 20%	21.249.692.539	14.362.248.489
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.691.304.987	4.747.136.750

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.479.915.583	20.838.149.561
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.447.991.558)	(1.041.907.478)
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	2.447.991.558	1.041.907.478
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.031.924.025	19.796.242.083
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.884.517	11.418.908
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.167	1.734

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 31/01/2018, Quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm tính theo tỷ lệ 5% lợi nhuận hợp nhất sau thuế và trích thù lao HĐQT, BKS tạm tính theo tỷ lệ 5% lợi nhuận hợp nhất sau thuế.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	797.723.853.076	665.519.960.746
Chi phí nhân công	91.954.936.646	89.355.625.105
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.980.229.333	18.251.713.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.099.191.246	42.283.697.218
Chi phí khác bằng tiền	10.386.314.592	13.785.812.354
Cộng	931.144.524.893	829.196.809.203

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.025.000.333	4.528.512.031
- Thù lao	443.863.600	959.160.332
- Lương	1.581.136.733	3.569.351.699

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Từ 01/10/2017 đến 30/09/2018	Từ 01/10/2016 đến 30/09/2017
	VND	VND
Xuất khẩu	351.287.547.124	380.592.227.112
Trong nước	681.554.246.596	528.536.151.174
Cộng	1.032.841.793.720	909.128.378.286

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất chế biến thủy sản nên không trình bày báo cáo bộ phận.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Số cuối năm	499.872.984.442	143.045.962.926	642.918.947.368
Vay và nợ thuê tài chính	368.993.185.914	112.191.187.926	481.184.373.840
Phải trả cho người bán	127.635.020.412	-	127.635.020.412
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả khác	3.244.778.116	30.854.775.000	34.099.553.116
Số đầu năm	442.947.863.065	156.810.777.587	599.758.640.652
Vay và nợ thuê tài chính	302.521.140.296	134.910.777.587	437.431.917.883
Phải trả cho người bán	110.816.361.065	-	110.816.361.065
Chi phí phải trả	15.249.148.499	-	15.249.148.499
Các khoản phải trả khác	14.361.213.205	21.900.000.000	36.261.213.205

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không có. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017 đã được kiểm toán.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Vân

Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Hoàng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU
TRẦN THANH HƯƠNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

Số 02.2018/BKS-HHA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2018

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018;
- Căn cứ vào kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát năm 2018.

Ban Kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động trong năm 2018 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Các công tác đã thực hiện năm 2018

- Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ với mục đích thẩm định báo cáo tài chính từng quý, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị (HĐQT) trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cuộc họp khác của Công ty.
- Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty năm 2018. cụ thể như sau:
 - Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2018 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.
 - Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
 - Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.
 - Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

2. Kế hoạch định hướng năm 2019

- Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục triển khai, thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động của Công ty.
- Giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tập trung vào các mục tiêu tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ điều lệ công ty. Các nghị quyết ban hành trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị có nội dung phù hợp với Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ.
- Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật và Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.
- Hội đồng quản trị đã ban hành nhiều Nghị quyết liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT; Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.
- Trong năm 2018 Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:
 - Thôi nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với ông Từ Thanh Phụng kể từ ngày 02/10/2017.
 - Bổ nhiệm Ông Trần Thanh Hương giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kể từ ngày 02/10/2017.
 - Thôi nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với Bà Tô Thị Kim Thịnh kể từ ngày 06/10/2017.
 - Bổ nhiệm ông Đinh Nhân Thiên Phúc giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kể từ ngày 08/03/2018.
 - Thôi nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với ông Ngô Văn Thế kể từ ngày 08/03/2018.
 - Thôi nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với bà Du Thiện Minh Trang kể từ ngày 09/05/2018.
 - Bổ nhiệm ông Tống Văn Tùng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kể từ ngày 09/05/2018.
 - Bổ nhiệm Bà Huỳnh Thanh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kể từ ngày 09/05/2018.

- Bổ nhiệm Bà Nguyễn Minh Hiếu giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kể từ ngày 29/06/2018.
- Thôi nhiệm chức vụ Thư ký HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với bà Lê Thị Lý kể từ ngày 09/05/2018.
- Bổ nhiệm Bà Cao Trịnh Thị Thúy Vy giữ chức vụ Thư ký HĐQT Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kể từ ngày 09/05/2018.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện việc phân công nhiệm vụ cho từng thành viên điều hành các công việc trong công ty, thực hiện triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị đến các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban nghiệp vụ để thực hiện.
- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:
 - Lợi nhuận thực hiện trước thuế là 30.171 triệu đồng thấp hơn kế hoạch là 4.829 triệu đồng tương ứng với tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch là 86.2%.
 - Về điều hành sản xuất và quản lý chất lượng: Thực hiện theo hệ thống quản lý chất Lượng sản phẩm TCVN ISO 9001:2008; tiêu chuẩn BRC;ASC; HALAL; HACCP và theo tiêu chuẩn của khách hàng.
 - Về chế độ chính sách cho người lao động: Công ty thực hiện đúng Luật lao động, hợp đồng lao động, việc chi trả lương/ thưởng theo đúng chính sách Công ty quy định.
 - Về công tác tài chính: Công ty luôn có những quyết định đúng đắn góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Nhận xét của Ban Kiểm soát:
 - Các hoạt động của Công ty trong năm vừa qua thực hiện đúng theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán cũng như điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT.
 - Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho Doanh nghiệp niêm yết.

IV. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018

1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam, áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.
- Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty là rõ ràng và đáng tin cậy.
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV Tư Vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AASCN) là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.

- Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn bộ. Các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/09/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/10/2017 đến 30/09/2018 phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.
- Ban kiểm soát chưa phát hiện thấy sai sót mang tính trọng yếu ảnh hưởng đến tính trung thực, hợp lý của Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại ngày 30/09/2018 (Đơn vị tính: Đồng)

A. TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN	NGÀY 30/09/2018	NGÀY 01/10/2017
I- TÀI SẢN NGẮN HẠN	580,816,523,603	494,688,955,588
I.1 Tiền và các khoản tương đương tiền	5,655,648,463	8,795,661,927
I.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	20,000,000,000	14,000,000,000
I.3 Các khoản phải thu ngắn hạn	349,985,564,452	235,632,093,431
I.4 Hàng tồn kho	187,325,573,149	219,711,928,671
I.5 Tài sản ngắn hạn khác	17,849,737,539	16,549,271,559
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	372,062,816,027	391,412,750,350
II.1 Các khoản phải thu dài hạn	7,190,864,607	8,071,178,746
II.2 Tài sản cố định	302,718,347,336	318,941,928,652
II.3 Tài sản dở dang dài hạn	14,311,043,278	5,623,744,511
II.4 Đầu tư tài chính dài hạn	16,715,500,000	24,455,500,000
II.5 Tài sản dài hạn khác	31,127,060,806	34,320,398,441
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	952,879,339,630	886,101,705,938
III. NỢ PHẢI TRẢ	677,679,932,818	620,569,451,844
III.1 Nợ ngắn hạn	534,633,969,928	463,758,674,257
III.2 Nợ dài hạn	143,045,962,890	156,810,777,587
IV. VỐN CHỦ SỞ HỮU	275,199,406,812	265,532,254,094
IV.1 Vốn góp của chủ sở hữu	199,070,530,000	187,805,970,000
IV.2 Thặng dư vốn cổ phần	46,428,827,960	52,061,107,960
IV.3 Cổ phiếu quỹ	(10,100,000)	(10,100,000)
IV.4 Quỹ đầu tư phát triển	4,019,289,456	1,935,474,500
IV.5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25,690,859,396	23,739,801,634
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	952,879,339,630	886,101,705,938

B.KẾT QUẢ KINH DOANH	NĂM 2018	NĂM 2017
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,032,841,793,720	909,128,378,286
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12,336,405,740	13,639,957,936
3. Thu nhập khác	592,786,635	5,648,869,637
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30,171,220,570	25,585,286,311
5. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24,479,915,583	20,838,149,561
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,167	1,734

4. Đánh giá hiệu quả hoạt động

4.1 Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

Chi tiêu	Kế hoạch năm 2018 (Triệu đồng)	Thực hiện năm 2018 (Triệu đồng)	Thực hiện năm 2017 (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%) TH/KH 2018	Tỷ lệ (%) TH 2018/ TH 2017
Doanh thu	1.023.000	1.032.842	909.128	100.96%	113.61%
Lợi nhuận trước thuế	35.000	30.171	25.585	86.20%	117.92%

4.2 Nhận xét đánh giá một số chỉ tiêu tài chính tại ngày 30/09/2018

Các chỉ tiêu phân tích tài chính

Chi tiêu	Đơn vị	Tại ngày 30.09.2018	Tại ngày 01.10.2017
1. Cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	39.05%	44.17%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	60.95%	55.83%
2. Cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	71.12%	70.03%
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	28.88%	29.97%
3. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.09	1.07
4. Tỷ suất sinh lời			
- Lợi nhuận trước thuế/Vốn CSH	%	10.96%	9.64%

Đánh giá chung

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu năm 2018 là 10.96% cao hơn năm 2017 là 9.64% nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2018 tăng 17.92% so với năm 2017.
- Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) tại ngày 30/09/2018 là 1.09 lần >1 Công ty đảm bảo khả năng thanh toán, đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn.

- Số dư nợ ngắn hạn tại ngày 30/09/2018 là 535 tỷ đồng, nếu so với số dư tài sản ngắn hạn là 581 tỷ đồng thì khoản nợ ngắn hạn là hợp lý và an toàn cao.
- Tỷ lệ nợ phải trả/nguồn vốn chủ sở hữu là 2.5 lần chứng tỏ hoạt động của Công ty vẫn dựa vào 02 nguồn vốn chủ yếu là vốn chủ sở hữu và vốn vay, Tuy nhiên việc sử dụng vốn vay cũng có ưu điểm đó là chi phí lãi vay sẽ được trừ vào thuế thu nhập DN và gia tăng tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu.

V. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2018

- Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018.
- Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH DV Tư Vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AASCN) thực hiện kiểm toán các BCTC hợp nhất năm 2018.
- Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018
- Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018 theo đúng tờ trình đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua.
- Hoàn thành việc công bố thông tin phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết số 07.2018/NQ-HĐQT ngày 12/06/2018.
- Hoàn thành việc sửa đổi điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận ĐKKD, đăng ký chứng khoán bổ sung với VSD và niêm yết bổ sung với HNX theo Nghị quyết số 09.2018/NQ-HĐQT ngày 22/08/2018.

VI. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA CÁC PHÒNG BAN


- Trong năm việc phối hợp giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận luôn được hỗ trợ, thực hiện một cách chặt chẽ theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.
- Ban kiểm soát không nhận được đơn yêu cầu hoặc khiếu nại của bất kỳ cổ đông nào trong năm 2018.
- Ban kiểm soát luôn nhận được sự hỗ trợ tích cực của Cấp Lãnh đạo, các Phòng ban trong quá trình làm việc điều này đã phục vụ tốt cho công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.

VII. KIẾN NGHỊ

- Kết quả kinh doanh năm vừa qua đã thể hiện sự cố gắng, nỗ lực rất lớn của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc để Công ty đạt được những thành quả trên, tuy nhiên để đạt được kết quả kinh doanh tốt hơn Công ty cần đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ phải thu, kiểm soát năng suất sản xuất và chi phí thực hiện so với kế hoạch.
- Trên đây là báo cáo của BKS Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu trình trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Xin chân thành cảm ơn ./.

TM. BAN KIỂM SOÁT



ĐINH THỊ BẢO YẾN





HungHau

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10.2018/TTr-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 27 tháng 12 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPNN Hùng Hậu
Năm tài chính 2019**

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2013 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 162/2015/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoàn đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ tình hình kinh doanh và nhu cầu sử dụng vốn,

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2019 thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với nội dung như sau:

1. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu
2. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
3. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
4. **Vốn điều lệ hiện nay:** 199.070.530.000 đồng
5. **Số lượng cổ phiếu đã phát hành:** 19.907.053 cổ phiếu

Trong đó:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 3974 1135 - Fax: (028) 3974 1280



- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 19.906.043 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.010 cổ phiếu

6. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến:

- **Vốn điều lệ trước phát hành:** 199.070.530.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm chín mươi chín tỷ, không trăm bảy mươi triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng chẵn)
- **Số vốn điều lệ dự kiến tăng:** 11.943.630.000 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ, chín trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng).
- **Vốn điều lệ sau khi phát hành:** 211.014.160.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm mười một tỷ, không trăm mười bốn triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng).

7. Phương án phát hành cụ thể như sau:

- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm tài chính từ 01/10/2017 đến 30/09/2018.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông (thời điểm chốt danh sách được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định).
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa: 1.194.363 cổ phiếu.
- Giá trị phát hành tính theo mệnh giá: 11.943.630.000 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ, chín trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng).
- Tỷ lệ số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 6%
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 50:03. Cứ một cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền nhận thêm cổ phiếu. Cứ 50 quyền nhận thêm cổ phiếu sẽ được nhận thêm 03 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có): Số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 129 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 50:03, cổ đông A được nhận $(129/50 \times 3 = 7,74)$ 7 cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A được nhận thêm 7 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu lẻ 0,74 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.
- Nguồn vốn: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/10/2017 đến 30/09/2018 đã được kiểm toán.
- Thời gian thực hiện: Dự kiến Quý I – Quý II/2019 (sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận).

7.9.2018
CÔNG TY
HỮU NGHĨA
HUNG HẬU
T. P. HỒ

- j. Thông qua việc đăng ký niêm yết bổ sung và đăng ký chứng khoán bổ sung với số cổ phiếu phát hành thêm với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
- k. Thông qua việc thay đổi Điều lệ (mục vốn điều lệ) và thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN.

8. Ủy quyền HĐQT:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành như sau:

- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành như trên.
- Chủ động xây dựng hồ sơ gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện phát hành cổ phiếu cho các đối tượng theo chủ trương của Đại hội đồng cổ đông;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện việc phát hành cổ phiếu.
- Thực hiện các thủ tục niêm yết và đăng ký chứng khoán bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
- Thực hiện thay đổi Điều lệ (mục vốn điều lệ) và thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN;
- Các công việc khác liên quan đến việc phát hành cổ phiếu nhằm đảm bảo cho đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ được thành công.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.



TRẦN VĂN HẬU



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2018/TTr-HDQT

TP. HCM, ngày 27 tháng 12 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn công ty kiểm toán năm tài chính 2019

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPNN Hùng Hậu
Năm tài chính 2019**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ vào danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được công bố trên cổng thông tin điện tử của Bộ tài chính (www.mof.gov.vn);
- Theo đề nghị của Ban kiểm soát và được sự thống nhất của HĐQT,

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung sau:

Giao Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán sau đây để kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính 2019 của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam; Công ty TNHH DV Tư Vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN); Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt (Vietland); Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Trong trường hợp không đàm phán được với 04 Công ty trên, Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán khác nằm trong danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT



ĐINH THỊ BẢO YẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP
HÙNG HẬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12.2018/TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày 27 tháng 12 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm tài chính 2019

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPNN Hùng Hậu
Năm tài chính 2019**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung sau:

- Thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm tài chính 2019 là 3% lợi nhuận sau thuế.
- Thuế thu nhập cá nhân phát sinh, cá nhân tự đóng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN VĂN HẬU

TỜ TRÌNH

V/v: **Bổ sung ngành nghề kinh doanh và Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty**

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPNN Hùng Hậu
Năm tài chính 2019**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu,

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua đề xuất về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu như sau:

1. **Bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh:**

Với mục tiêu đẩy mạnh phạm vi hoạt động, không ngừng mở rộng thị trường, phát triển vị thế và uy tín của Công ty, đồng thời góp phần tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Mã ngành 46691: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp
Chi tiết: Bán buôn phân bón; Bán buôn thuốc trừ sâu; Bán buôn hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp: Thuốc trừ cỏ, thuốc chống nảy mầm, thuốc kích thích sự tăng trưởng của cây, các hoá chất khác sử dụng trong nông nghiệp

Đại hội đồng cổ đông thông qua ủy quyền cho Hội đồng Quản trị và Ban điều hành hoàn tất các thủ tục đăng ký kinh doanh, và tiến hành thực hiện việc triển khai các hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề đăng ký theo quy định của pháp luật.

2. **Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty:**

Nhằm sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty như sau:

- Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo Phụ lục đính kèm.



- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban Điều hành hoàn thiện Điều lệ và thực hiện các thủ tục ban hành Điều lệ đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TRẦN VĂN HẬU



Phụ lục sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT NỘI DUNG ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
<p>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:</p> <p>1.1 Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy hải sản.</p> <p>1.2 Kinh doanh bất động sản (chi thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản).</p> <p>1.3 Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc, thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm.</p> <p>1.4 Lắp đặt công trình hệ thống điện.</p> <p>1.5 Xây dựng nhà các loại.</p> <p>1.6 Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản.</p> <p>1.7 Lắp đặt công trình điều hòa không khí.</p> <p>1.8 Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản.</p> <p>1.9 Lắp đặt công trình lạnh công nghiệp.</p> <p>1.10 Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.</p> <p>1.11 Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).</p> <p>1.12 Nuôi trồng thủy sản nội địa (Không hoạt động tại trụ sở).</p> <p>1.13 Đào tạo đại học và sau đại học (Không hoạt động tại trụ sở).</p> <p>1.14. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.</p> <p>1.15. Bán buôn thực phẩm.</p>	<p>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:</p> <p>1.1 Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy hải sản.</p> <p>1.2 Kinh doanh bất động sản (chi thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản).</p> <p>1.3 Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc, thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm.</p> <p>1.4 Lắp đặt công trình hệ thống điện.</p> <p>1.5 Xây dựng nhà các loại.</p> <p>1.6 Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản.</p> <p>1.7 Lắp đặt công trình điều hòa không khí.</p> <p>1.8 Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản.</p> <p>1.9 Lắp đặt công trình lạnh công nghiệp.</p> <p>1.10 Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.</p> <p>1.11 Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).</p> <p>1.12 Nuôi trồng thủy sản nội địa (Không hoạt động tại trụ sở).</p> <p>1.13 Đào tạo đại học và sau đại học (Không hoạt động tại trụ sở).</p> <p>1.14. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.</p> <p>1.15. Bán buôn thực phẩm.</p> <p>1.16. Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp</p>

Số: 14.2018/TTr-DHDCĐ

TP. HCM, ngày 27 tháng 12 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: **Thôi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPNN Hùng Hậu
Năm tài chính 2019**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Căn cứ Đơn từ nhiệm của bà Huỳnh Thanh và ông Huỳnh Minh Tâm,

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc thôi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu với:

- Bà Huỳnh Thanh: Trưởng ban kiểm soát; lý do: Có đơn xin từ nhiệm vì lý do cá nhân.
- Ông Huỳnh Minh Tâm: Thành viên ban kiểm soát; lý do: Có đơn xin từ nhiệm vì lý do cá nhân.

Kể từ ngày: 19/01/2019.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN VĂN HẬU

Số: 15.2018/TTr-DHĐCĐ

TP. HCM, ngày 27 tháng 12 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: Ứng viên Thành viên Ban kiểm soát bổ sung nhiệm kỳ 2015 -2020

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPNN Hùng Hậu**
Năm tài chính 2019

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu;
- Xét thấy năng lực và phẩm chất của bà Du Thiện Minh Trang và ông Phạm Nguyễn Linh;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua danh sách ứng viên thành viên Ban kiểm soát bổ sung nhiệm kỳ 2015 – 2020 như sau:

1. Bà Du Thiện Minh Trang: Trích yếu lý lịch,

- Năm sinh: 03/04/1984
- Nơi sinh: Đồng Tháp
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chứng minh nhân dân số: 341173003 Cấp ngày 29/09/2017
- Nơi cấp: CA. Đồng Tháp.
- Địa chỉ tạm trú: Chung cư tòa nhà Sen Xanh, 36 Trịnh Đình Thảo, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành: Kế toán

2. Ông Phạm Nguyễn Linh: Trích yếu lý lịch,

- Năm sinh: 20/11/1986
- Nơi sinh: Giồng Trôm - Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Thẻ căn cước công dân số: 321188263 Cấp ngày 28/04/2014
- Nơi cấp: CA. Bến Tre.
- Địa chỉ tạm trú: 104 Đường Số 4, Khu Dân Cư Bình Điện, P.7 Q8.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân - Chuyên ngành: kế toán



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN VĂN HẬU



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH



Họ và tên: **DU THIÊN MINH TRANG**

Giới tính: **NỮ**

Ngày sinh: **03/04/1984** Nơi sinh: **Đông Tháp**

CMND: **341173003** Ngày cấp: **29/09/2017** Nơi cấp: **CA. Đông Tháp**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Dân tộc: **Kinh**

Quê quán: **Long Thới A, Long Thuận, Hống Ngự, Đông Tháp**

Địa chỉ thường trú: **Long Thới A, Long Thuận, Hống Ngự, Đông Tháp**

Nơi ở hiện nay: **Chung cư tòa nhà Sen Xanh, 36 Trịnh Đình Thảo, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM**

Trình độ học vấn: **Cử nhân kinh tế Chuyên ngành: Kế toán**

Quá trình công tác: (nghề nghiệp và chức vụ đã qua làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính từ năm 18 tuổi đến nay).

05/2010-12/2012: **Nhân viên kế toán – Công ty TNHH Hùng Cá**

12/2012-02/2014: **Nhân viên tính giá – Công ty Cổ phần Thủy sản số 1**

02/2014-05/2016: **Nhân viên kế toán – Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu**

05/2016-06/2016: **Kế toán tổng hợp – Công ty Cổ phần Thủy sản Số 1**

06/2016-05/2017: **Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu**

05/2017-05/2018: **Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu**

05/2018 – đến nay : **Giám đốc Tài chính – Kế toán Công ty CP Phát triển Hùng Hậu**

Tôi cam kết lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP.HCM, ngày 08 tháng 01 năm 2019

Người khai

(ký và ghi rõ họ tên)

SƠ YẾU LÝ LỊCH



Họ và tên: PHẠM NGUYỄN LINH

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 20/11/1986 Nơi sinh: Giồng Trôm

CMND: 321188263 Ngày cấp: 28/04/2014 Nơi cấp: CA Bến Tre

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Ấp Tân Hòa, Xã Tân Thanh, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre, TP Bến Tre

Nơi ở hiện nay: 104 Đường Số 4 KCD Bình Điền, P.8, Q.8

Trình độ học vấn: Cử nhân - Chuyên ngành: kế toán

Quá trình công tác: (nghề nghiệp và chức vụ đã qua làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính từ năm 18 tuổi đến nay).

Từ năm – đến năm	Tên công ty	Chức danh	Công việc
Từ tháng 9/2009 đến tháng 11/2013	Công Ty TNHH DV và Tư Vấn Thuế A&M	Trưởng nhóm	Phụ trách kiểm tra, xem xét số liệu trước khi lập báo cáo gửi khách hàng và cơ quan thuế
Từ tháng 12/2013 đến 10/2016	Công Ty TNHH Kế Toán Cát Tường	Trưởng nhóm	Phụ trách kiểm tra, xem xét số liệu trước khi lập báo cáo gửi khách hàng và cơ quan thuế
Từ tháng 11/2016 đến tháng 05/2017	Công Ty CP PT Hùng Hậu	Chuyên viên kế toán-kiểm toán	Phụ trách báo cáo công nợ phải thu, phải trả, lập báo cáo thuế, hạch toán sổ sách một số Công ty con trực thuộc Hùng Hậu quản lý. Lập hồ sơ thuế ban đầu các Công ty mới thành lập
Từ tháng 1/2017 đến nay	Công Ty TNHH Thực Phẩm Hùng Hậu	Kế toán trưởng	Quản lý công tác kế toán, điều phối dòng tiền

Tôi cam kết lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tp. HCM, ngày tháng năm 2019

Người khai

(ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Nguyễn Linh



HungHau



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM TÀI CHÍNH 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

Mã CK: SJ1

THẺ BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông/Người đại diện:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: cổ phần

Mã số biểu quyết:

SJ001



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

MÃ SỐ BIỂU QUYẾT:

SJ001

PHIẾU BIỂU QUYẾT

(Các nội dung trong báo cáo, tờ trình tại Đại hội)

Nội dung cần biểu quyết	Biểu quyết		
	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
Nội dung 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018 và định hướng kế hoạch năm 2019.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 2: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 3: Thông qua Báo cáo hoạt động Ban kiểm soát năm 2018.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 4: Thông qua việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 5: Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 6: Thông qua chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 8: Thông qua thù lao, thưởng HĐQT, Thư ký, BKS năm 2019.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 9: Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 10: Thông qua việc thôi nhiệm Trưởng ban và Thành viên ban kiểm soát.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 11: Thông qua Danh sách ứng viên bầu bổ sung Thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

❖ Lưu ý:

- Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu X vào ô lựa chọn:

- Trường hợp cổ đông thay đổi thì khoanh tròn ô đã chọn và đánh dấu X vào ô lựa chọn mới:

- Trường hợp muốn chọn lại ô đã được khoanh tròn thì tô đen hoàn toàn ô đó:

- Cổ đông chỉ được chọn 01 phương án biểu quyết cho 01 nội dung.

Ghi chú:

- Phiếu biểu quyết này chỉ có giá trị tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2019.

- Các phiếu sau được xem là không hợp lệ:

+ Phiếu không do Công ty CP Nông nghiệp phát hành (không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty trên phiếu).

+ Phiếu tẩy xóa hoặc phiếu ghi thêm nội dung không do Chủ tọa yêu cầu.

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ
BỔ SUNG KIỂM SOÁT VIÊN NHIỆM KỲ 2015 – 2020

(áp dụng cho cổ đông)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Họ tên cổ đông:

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/GĐKKD số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):

Số lượng cổ phần sở hữu *(tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019)*: cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: (đồng)

Số lượng cổ phần sở hữu liên tục 06 tháng *(tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019)*: cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: (đồng)

Đề nghị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cho tôi đề cử:

1. Ông/Bà:

CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: (đồng)

2. Ông/Bà:

CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: (đồng)

3.

Làm ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nhiệm kỳ 2015 – 2020.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/ Thẻ căn cước/ Hộ chiếu/ Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn *(nếu có)*
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.

....., ngày..... tháng năm 2019

Người đề cử

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

GIẤY ĐỀ NGHỊ TỰ ĐỀ CỬ
BỔ SUNG KIỂM SOÁT VIÊN NHIỆM KỲ 2015 – 2020

Kính gửi: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Tôi tên là:

CMND/Hộ chiếu/ĐKKD số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:.....

Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019):..... cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: (đồng)

Số lượng cổ phần sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019): cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: (đồng)

Đề nghị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cho tôi được tự đề cử vào Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nhiệm kỳ 2015 – 2020.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm Kiểm soát viên tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/ Thẻ căn cước/ Hộ chiếu/ Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.

....., ngày..... tháng ... năm 2019

Người tự đề cử

(ký và ghi rõ họ tên)

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ
BỔ SUNG KIỂM SOÁT VIÊN NHIỆM KỲ 2015 – 2020

(áp dụng cho nhóm cổ đông)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Người đại diện nhóm cổ đông:

CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/GĐKKD số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

(đính kèm danh sách nhóm cổ đông)

Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019) của nhóm cổ đông: cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: (đồng)

Số lượng cổ phần sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019) của nhóm cổ đông: cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: (đồng)

Đề nghị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cho tôi đề cử:

1. Ông/Bà:

CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: (đồng)

2. Ông/Bà:

CMND/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: (đồng)

3.....

.....

Làm ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nhiệm kỳ 2015 – 2020.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/ Hộ chiếu/ Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn *(nếu có)*
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.

....., ngày..... tháng năm 2019

Người đại diện nhóm cổ đông đề cử

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**DANH SÁCH NHÓM CỔ ĐÔNG ĐÍNH KÈM
GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ CỦA NHÓM CỔ ĐÔNG**

STT	Họ và tên	CMND/ ĐKKD	Địa chỉ thường trú	Số lượng cổ phần sở hữu liên tục 06 tháng (tính đến ngày chốt DS)	Chữ ký cổ đông/ chữ ký đóng dấu nếu là tổ chức
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
....					
....					
.....					
.....					
Tổng cộng					

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-000-

GIẤY XÁC NHẬN TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN

V/v: xác nhận sở hữu cổ phần

Kính gửi: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Cổ đông:

CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKDN số: ... Ngày cấp: ... Nơi cấp: ...

Người đại diện theo pháp luật: ...

Hiện đang sở hữu: ...

Mã chứng khoán: SJ1

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ...

Từ ngày: .../.../... đến ngày .../.../... (Từ ngày đến ngày).

Đề nghị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu xác nhận giúp chúng tôi các thông tin như trên.

Xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày..... thángnăm 2019

Cổ đông

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-o0o-

GIẤY ĐỀ NGHỊ

V/v: Xác nhận sở hữu cổ phần

Kính gửi: Công ty Cổ phần Chứng khoán

Họ tên chủ tài khoản:.....

CMND/Hộ chiếu/GĐKKD số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):.....

Tài khoản số:.....

Hiện đang sở hữu:..... cổ phần

Mã chứng khoán:.....

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

Từ ngày:..... đến ngày.....

Đề nghị Công ty cổ phần xác nhận giúp tôi/ chúng tôi các thông tin như trên.

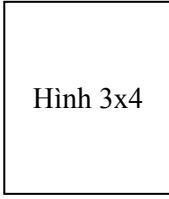
Xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày tháng năm 2019

Chủ tài khoản

(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH
(Dùng cho các ứng viên vào Ban kiểm soát)

Họ và tên:

Giới tính:

Ngày tháng năm sinh:

Nơi sinh:

CMND: -----, ngày cấp -----, nơi cấp: -----

Quốc tịch:

Địa chỉ thường trú:

Số ĐT liên lạc:

Trình độ chuyên môn:

Quá trình công tác: + Từ ... đến...

Các chức vụ công tác hiện nay tại
tổ chức niêm yết:

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại
tổ chức khác:

Các lợi ích liên quan đến Tổng
Công ty (nếu có)

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên.

....., ngày tháng năm 2019

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên